



2017 - 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ trụ sở : Km 34 quốc lộ 6 Sơn La – Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Việt Nam

Số điện thoại : (0212) 3843.274

Số fax : (0212) 3843.406

Website : <http://www.miaduongsonla.vn>

MỤC LỤC

A.

MÍA ĐƯỜNG SƠN LA 2017 - 2018

Thư ngỏ từ Ban lãnh đạo	06
Chỉ tiêu tài chính niên vụ 2017 - 2018	08
Thành tích nổi bật niên vụ 2017 - 2018	10

B.

TỔNG QUAN

Thông tin chung về công ty	14
Quá trình hình thành và phát triển	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Các sản phẩm chủ đạo	22
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	24
Giới thiệu Ban lãnh đạo công ty	26
Phân tích điểm mạnh và điểm yếu của công ty	48
Định hướng và chiến lược phát triển	56
Nhận định rủi ro chung	60

C.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2017 - 2018

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017 - 2018	
☑ Tổng quan kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	72
☑ Tổ chức và nhân sự	78
☑ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	82
☑ Cổ phần, cổ đông và cổ phiếu SLS	84
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	
☑ Kết quả sản xuất niên vụ 2017 – 2018	86
☑ Kết quả kinh doanh niên vụ 2017 – 2018	92
☑ Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2018 – 2019	93

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

☑ Đánh giá chung về ngành Mía đường	96
☑ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty niên vụ 2017 - 2018	97
☑ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong niên vụ 2017 - 2018	100
☑ Phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Hội đồng quản trị niên độ 2018 – 2019	102

D.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình quản trị công ty	106
Hội đồng quản trị	108
Ban kiểm soát	110
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	112
Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người liên quan của người nội bộ	112

E.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững	116
Chương trình chính để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	118
Công tác bảo vệ môi trường	120
Công tác lao động, tiền lương và chăm lo đời sống cho người lao động	122

F.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017 - 2018

Báo cáo của Ban giám đốc	124
Báo cáo kiểm toán độc lập	
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Thuyết minh Báo cáo tài chính	

A.

MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

2017 - 2018

1

THƯ NGỎ TỪ BAN LÃNH ĐẠO

2

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NIÊN VỤ 2017 - 2018

3

THÀNH TÍCH NỔI BẬT NIÊN VỤ 2017 - 2018

THƯ NGỎ TỪ BAN LÃNH ĐẠO

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN NGỌC HIẾU

Kính thưa các cổ đông, khách hàng và đối tác trân quý,

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La xin được gửi những lời chúc tốt đẹp nhất tới tất cả quý vị – những người đã luôn sát cánh cùng công ty trong những thời điểm thuận lợi cũng như khó khăn nhất.

2017 – 2018 là niên vụ khó khăn nhất của ngành mía đường tính trong khoảng thời gian 15 năm trở lại đây và cũng là lần thứ hai các doanh nghiệp trong ngành rơi vào thế khó kể từ khi mía đường lần đầu được sản xuất ở Việt Nam. Sau 4 năm kể từ khi chính thức có mặt tại Việt Nam, cuộc khủng hoảng đầu tiên vào năm 1999 đã khiến nhiều doanh nghiệp mía đường lao đao, thậm chí không thể vực dậy. Trong niên vụ 2017 - 2018, lịch sử lặp lại khi ngành mía đường đang ở điểm trũng với giá đường thành phẩm thấp hơn nhiều so với giá sản xuất, tồn kho của ngành đang ở mức cao và tiếp tục có dấu hiệu tăng ở thời điểm hiện tại. So với giá bán của niên vụ trước, giá bán đường sụt giảm tới 31% trong khi giá mua mía nguyên liệu vẫn giữ nguyên. Mô hình chung, các doanh nghiệp trong ngành mía đường đang gặp nhiều rào cản khi tồn kho tăng, tiêu thụ giảm, kéo theo doanh thu, lợi nhuận sụt giảm mạnh và giá cổ phiếu của hầu hết doanh nghiệp mía đường lao dốc khiến nhà đầu tư ít nhiều lo lắng.

Những khó khăn chung của ngành đã ảnh hưởng lớn đến thực trạng sản xuất trong niên vụ 2017 – 2018 của công ty, tuy nhiên Mía đường Sơn La vẫn sẵn sàng đương đầu với thách thức và không ngừng khẳng định uy tín thông qua chất lượng sản phẩm. Được thành lập vào năm 1997 với nhiệm vụ đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu mía 3.500 ha, công suất chế biến 1.000 TMN và sản lượng 10.000 tấn đường trắng RS mỗi năm. Đến nay, diện tích vùng nguyên liệu mía của công ty đã đạt gần 8.000ha, công suất chế biến mía đường 5.000 TMN, sản lượng đường khoảng 60.000 tấn/vụ sản xuất, luôn tự hào là một trong những doanh nghiệp nộp ngân sách lớn hàng đầu của tỉnh Sơn La.

600 TỶ VNĐ
DOANH THU THUẦN

115 TỶ VNĐ
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

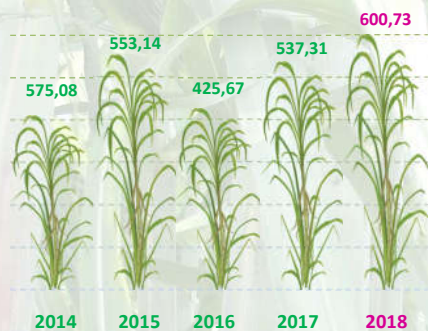
Niên vụ 2017 – 2018 tuy chưa phản ánh hết tiềm lực của SLS nhưng vẫn được Ban lãnh đạo đánh giá là nền tảng cho một tương lai khả quan hơn của cây mía Sơn La. Trong suốt chặng đường 20 năm xây dựng và phát triển, cùng với sự giúp sức, đồng lòng của quý vị, Ban lãnh đạo công ty vẫn luôn hướng tới mục tiêu lớn là mang lại những giá trị thiết thực từ cây mía đến với khách hàng, góp phần cải thiện môi trường và đem đến cuộc sống ấm no hơn cho người dân địa phương.

Cùng nhau, chúng ta hãy sẵn sàng tâm thế tốt nhất để chuẩn bị bước sang một niên vụ mới với những cơ hội mới và thành công lớn lao hơn nữa.

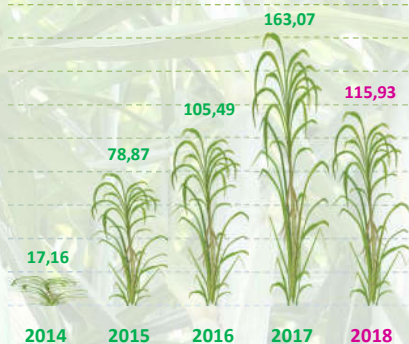
Kính chúc tất cả Quý vị hạnh phúc, sức khỏe và thành đạt!

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NIÊN VỤ 2017 - 2018

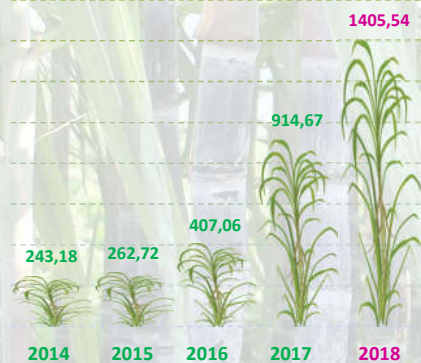
Doanh thu thuần
(tỷ VNĐ)



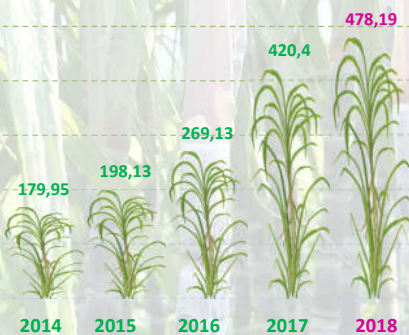
Lợi nhuận sau thuế
(tỷ VNĐ)



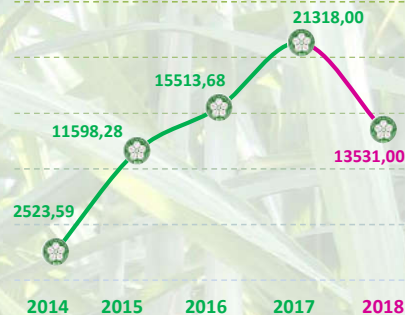
Tổng tài sản
(tỷ VNĐ)



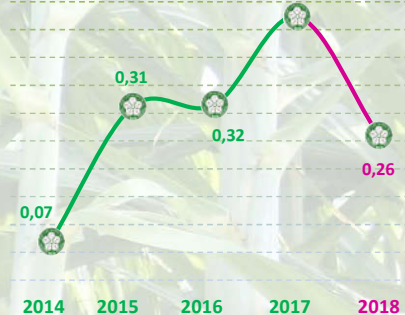
Vốn chủ sở hữu
(tỷ VNĐ)



EPS cơ bản
(VNĐ)



ROE
(%)



KẾT QUẢ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2014 - 2018

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018	Tăng trưởng 2014 - 2018
Doanh thu thuần	411,66	553,14	425,66	537,31	600,73	145,93%
Lợi nhuận gộp	36,14	95,77	115,48	196,58	157,52	435,86%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17,75	78,51	105,88	163,78	114,34	644,17%
Lợi nhuận trước thuế	23,4	80,29	106,09	163,65	115,93	495,43%
Lợi nhuận sau thuế	17,16	78,87	105,49	163,07	115,93	675,58%

THÀNH TÍCH NỔI BẬT NIÊN VỤ 2017 – 2018



Chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2017 cho sản phẩm đường trắng, được trao tặng bởi Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.



Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La cho thành tích “Đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn huyện Mai Sơn”.



Thư cảm ơn của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La đối với công tác xã hội từ thiện, đặc biệt năm 2016 đã tài trợ 3 tỷ đồng xây dựng Nhà lớp học cho trường THCS Chu Văn Thịnh (huyện Mai Sơn).



Giấy khen được Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong đợt diễn tập phương án chữa cháy lớn và cứu nạn, cứu hộ huyện Mai Sơn năm 2017.



Giấy khen cho thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2016” được trao tặng bởi Ban Chỉ Đạo Nông Thôn Mới.



B. TỔNG QUAN

- 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY
- 2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 3 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- 4 CÁC SẢN PHẨM CHỦ ĐẠO
- 5 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 6 GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY
- 7 PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH VÀ ĐIỂM YẾU CỦA CÔNG TY
- 8 ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
- 9 NHẬN ĐỊNH RỦI RO CHUNG

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La được thành lập năm 1997 với nhiệm vụ đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu mía 3.500 ha và chế biến 10.000 tấn đường trắng RS mỗi năm. Đến nay, công suất chế biến mía đường của Công ty đã đạt 30.000 tấn/năm và Công ty là một trong những doanh nghiệp nộp ngân sách lớn hàng đầu của tỉnh Sơn La.

Trải qua chặng đường 20 năm phát triển, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La đã sát cánh với khách hàng và đối tác. Đạt được thành quả như ngày hôm nay, chúng tôi hiểu những giá trị mà khách hàng mang lại. Những công việc chuyên môn, những trải nghiệm, sự nỗ lực nghiên cứu tìm tòi và sáng tạo của chúng tôi có được đều xuất phát từ động lực: đáp ứng yêu cầu khách hàng. Chúng tôi vô cùng biết ơn và trân trọng những giá trị đó.

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

Tên viết tắt: SLS

Tên Tiếng Anh: Son La Sugar Joint Stock Company

Trụ sở

Km 34 quốc lộ 6 Sơn La – Hà Nội, Thị trấn Hát Lót,
huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Việt Nam

Thông tin liên hệ

Điện thoại: (0212) 3843.274

Fax: (0212) 3843.406

Email: sls.miaduongsomla@gmail.com

Website: <http://www.miaduongsomla.vn>



Mã cổ phiếu SLS

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:
9.791.945 cổ phiếu

Vốn điều lệ: 97.919.450.000 VNĐ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Đăng ký lần đầu theo số 2403000172
ngày 20/02/2008, thay đổi lần thứ 08
ngày 28/05/2018 do Sở Kế hoạch và
Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Người đại diện theo pháp luật

Ông Đặng Việt Anh

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2 | QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995

Khởi công xây dựng Nhà máy Đường Sơn La trực thuộc Nông trường quốc doanh Tô Hiệu Sơn La quản lý (tiền thân của CTCP Mía Đường Sơn La).

1996

UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 558 đổi tên Nhà máy đường Sơn La thành Công ty Mía Đường Sơn La.

1997

UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 50 thành lập Công ty Mía Đường Sơn La - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Sơn La.

1997 - 2006

Hoạt động sản xuất của Công ty kém hiệu quả, có chiều hướng đi xuống và có nhiều khả năng phải phá sản.

Nửa đầu năm 2018

Quy mô vốn điều lệ tăng lên mức 97.919.450.000 VNĐ.

2012

Cổ phiếu công ty niêm yết tại HNX với mã SLS, ngày giao dịch đầu tiên 16/10/2012.

2008

Công ty tổ chức thành công ĐHĐĐ thành lập CTCP Mía Đường Sơn La.

2007

UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 2761 phê duyệt phương án cơ cấu tài chính, chuyển đổi Công ty Mía đường Sơn La từ 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần.

3 | NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Đường

Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường.



Phân bón và cây giống

Sản xuất, cung ứng phân vi sinh và giống cây, con.



Kinh doanh nhiên liệu

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

3

ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Các sản phẩm chính của công ty hiện nay chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường các tỉnh – thành phố:

- HÀ NỘI
- HẢI PHÒNG
- VĨNH PHÚC

Ngoài ra công ty cũng có mạng lưới phân phối sản phẩm ở hầu khắp các tỉnh thành lân cận.



4 CÁC SẢN PHẨM CHỦ ĐẠO



ĐƯỜNG KÍNH RS

Đây là sản phẩm chủ lực của Công ty và được chế biến với dây chuyền công nghệ hiện đại. Đường được làm từ nguyên liệu là cây mía tươi và một số phụ gia được phép sử dụng trong lĩnh vực chế biến thực phẩm. Hiện nay sản phẩm này đang được công ty đóng gói theo ba loại: túi 0,5kg, túi 1 kg và bao 50 kg.



PHÂN VI SINH

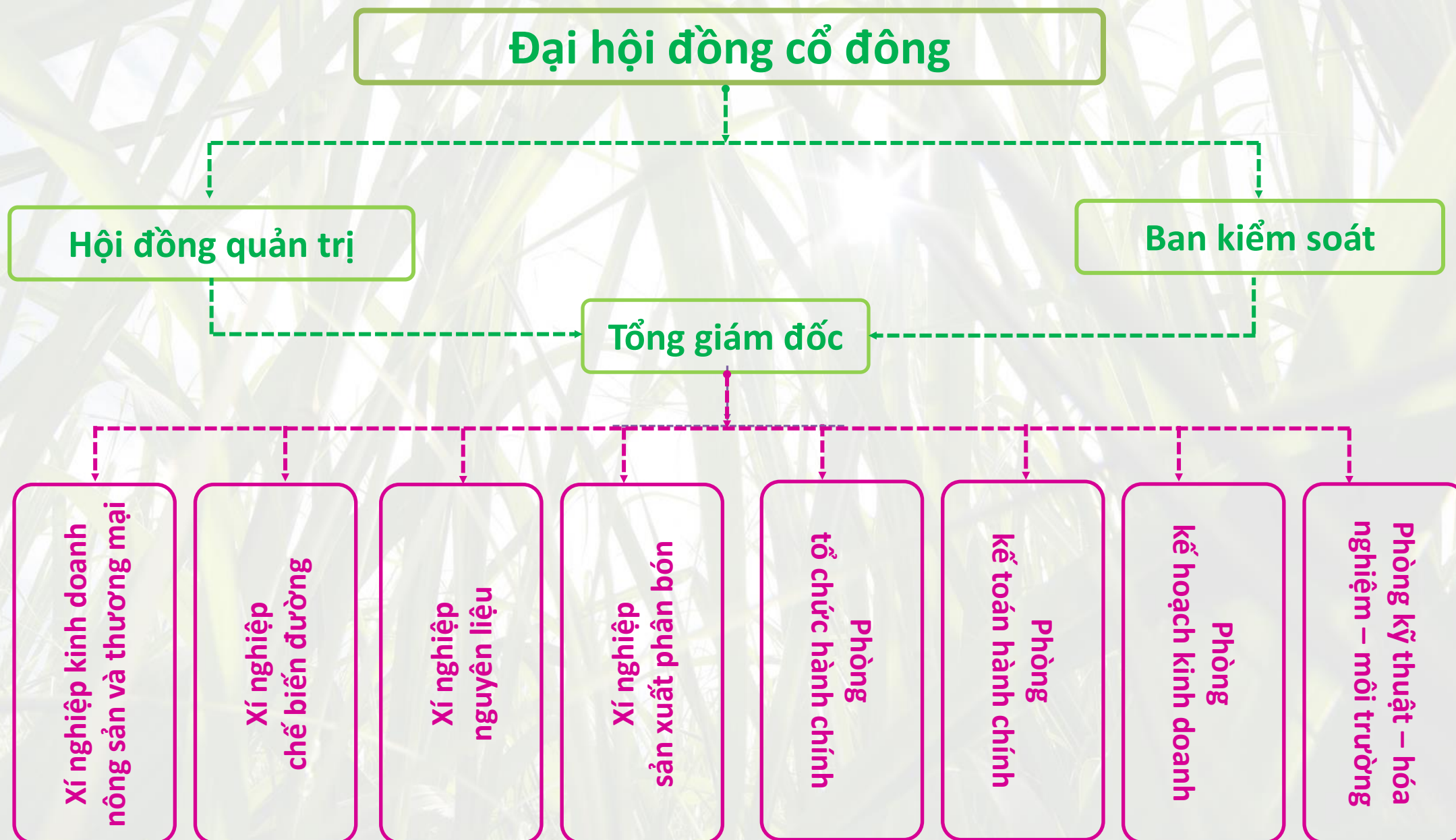
Phân phức hợp hữu cơ vi sinh FITOHOOCMON được chế biến từ các chế phẩm vi sinh với công nghệ tiên tiến, hiện đại. Thành phần để làm nên loại phân hữu cơ này bao gồm: bã bùn lên men, đạm, lân, kali, các chất vi lượng và các vi sinh vật hữu ích. Sản phẩm có công dụng tăng cường hữu cơ cho đất, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng, tăng khả năng kháng sâu bệnh, chịu hạn, kích thích phát triển cho cây mía, tăng năng suất từ 10-15%. Đây là loại phân được Công ty Mía đường Sơn La sản xuất chủ yếu để bón lót, bón thúc cho cây mía trong vùng nguyên liệu của công ty.



XĂNG DẦU

Công ty kinh doanh xăng dầu, cung cấp kịp thời, đáp ứng nhu cầu cho các phương tiện chuyên chở hàng hóa trong nội bộ và ngoài công ty.

5 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



6 | GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Hội đồng quản trị



Ông
ĐẶNG VIỆT ANH

CHỦ TỊCH
HĐ QUẢN TRỊ



Ông
TRẦN NGỌC HIẾU

PHÓ CHỦ TỊCH
HĐ QUẢN TRỊ



Bà
TRẦN THỊ NHI

THÀNH VIÊN
HĐ QUẢN TRỊ



Ông
Thái Văn Hùng

THÀNH VIÊN
HĐ QUẢN TRỊ



Ông
Nguyễn Trường
Chinh

THÀNH VIÊN
HĐ QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị



ÔNG ĐẶNG VIỆT ANH

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1978
Số CMND : 023302165
Nơi sinh : T.P Hồ Chí Minh
Trình độ : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

2006 – 2010

Thành viên HĐQT CTCP
Mía đường Đắk Nông.

2006 – 2008

Công tác tại CTCP Chứng
khoán Ngân hàng phát
triển Nhà Đồng Bằng
Sông Cửu Long (2006 –
2007), sau đó công tác tại
CTCP Chứng khoán Việt
Quốc (2007 – 2008).

2009 – 2010

Công tác tại TCT Đầu tư
và kinh doanh vốn Nhà
nước chi nhánh khu vực
phía Nam.

2010 – 2011

Thành viên HĐQT CTCP
Xuất nhập khẩu Lâm Thủy
sản Bến tre.

2013 – 2015

Thành viên HĐQT CTCP
Đường Kon Tum.

2015 – nay

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ
phần Mía đường Sơn La.

Hội đồng quản trị



ÔNG TRẦN NGỌC HIẾU

PHÓ CHỦ TỊCH	Năm sinh	:	1956
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	Số CMND	:	022704756
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC	Nơi sinh	:	Hà Nội
	Trình độ	:	10/10

1976 - 1981

Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia.

1982 - 1997

Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm.

2015

Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc.

2015 – nay

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La.

Hội đồng quản trị



BÀ TRẦN THỊ NHI

THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1964
Số CMND : 025493493
Nơi sinh : Tỉnh Quảng Bình
Trình độ : Cử nhân Kinh tế

1984 – 1989

Phụ trách kế toán,
trường dạy nghề nội
thương Bình Trị Thiên.

1989 – 2010

Phó phòng kế toán, Kế
toán trưởng, Phó TGD
Công ty Thương mại
Quảng Trị.

2010 – 2013

Phó GD Công ty CP
Thương mại – Dịch vụ
Quảng Trị.

2014 – 2015

Thành viên BKS Công
ty Cổ phần Mía đường
Sơn La.

2015 - 2016

Trưởng BKS Công ty Cổ
phần Mía đường Sơn La.

05/2016 - nay

Thành viên HĐQT Công
ty Cổ phần Mía đường
Sơn La.

Hội đồng quản trị



ÔNG THÁI VĂN HÙNG

THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1972
Số CMND : 221343752
Nơi sinh : Tỉnh Quảng Nam
Trình độ : Cử nhân khoa học

1995 – 1996

Kỹ thuật viên Phòng
Kỹ Thuật CTCP Mía
đường Tuy Hòa.

1996 – 2000

Phó quản đốc Phân
xưởng sản xuất
đường CTCP Mía
đường Tuy Hòa.

2001

Trưởng phòng kỹ
thuật – KCS CTCP
Mía đường Tuy Hòa.

2011 – 2016

Trưởng phòng Vật tư,
đầu tư và xây dựng cơ
bản CTCP Mía đường
Tuy Hòa.

2016 – Nay

Thành viên Hội đồng
Quản trị Công ty Cổ phần
Mía đường Sơn La.

Hội đồng quản trị



ÔNG NGUYỄN TRƯỜNG CHINH

THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1972

Số CMND : 220916540

Nơi sinh : Phú Yên

Trình độ : 12/12

10/1995-12/1995

Ban quản lý dự án nhà
máy đường Tuy Hòa.

1996 – 2001

Kỹ thuật viên phòng
Kỹ thuật - Công ty
Mía đường Tuy Hòa.

2001 - 2008

Quản đốc Phân
xưởng Đường -
Công ty cổ phần Mía
đường Tuy Hòa.

2009 - 2016

Giám đốc Nhà Máy
Đường- Công ty cổ phần
Mía đường Tuy Hòa.

2017-06/2018

Giám đốc xí nghiệp chế
biến đường – Công ty cổ
phần Mía đường Sơn La.

9/2017 - nay

Thành viên HĐQT Công ty
CP Mía đường Sơn La.

6

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban giám đốc



Ông TRẦN NGỌC HIẾU

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT QUẢN TRỊ
kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

6

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban kiểm soát



Bà
NGUYỄN THỊ THỦY

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Ông
NGUYỄN VĂN MINH

THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT



Ông
NGUYỄN VĂN TÀI

THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát



BÀ NGUYỄN THỊ THỦY

TRƯỞNG

BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1960
Số CMND : 280096294
Nơi sinh : Tỉnh Bình Dương
Trình độ : Cử nhân kinh tế

1985 - 1987

Cục Thuế Bình Dương.

1987 - 2014

Công ty Cổ phần Đường
Bình Dương.

2014 - nay

Công ty TNHH Kim
Hà Việt.

5/2016 - nay

Trưởng Ban Kiểm Soát
Công ty Cổ phần Mía
đường Sơn La.

Ban kiểm soát



ÔNG NGUYỄN VĂN MINH

THÀNH VIÊN

BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1967
Số CMND : 050322936
Nơi sinh : Tỉnh Sơn La
Trình độ : 10/10

1997 - 2008

CB Kỹ thuật Xí nghiệp
Chế Biến Đường -
Công ty cổ phần Mía
đường Sơn La.

2008 - 2013

Phó giám đốc Xí nghiệp
Chế Biến Đường - Công
ty cổ phần Mía đường
Sơn La.

2014 - 2015

Chuyên viên phòng
kế hoạch Kinh
doanh - Công ty cổ
phần Mía đường
Sơn La.

2015 - 2016

Phó giám đốc Xí nghiệp
Chế Biến Đường - Công
ty cổ phần Mía đường
Sơn La.

2016 – giữa 2018

Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp
Chế Biến Đường - Công
ty cổ phần Mía đường
Sơn La.

2018

Thành viên BKS Công ty
Cổ phần Mía đường
Sơn La.

Ban kiểm soát



ÔNG NGUYỄN VĂN TÀI

THÀNH VIÊN

BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1968
Số CMND : 050807884
Nơi sinh : Tỉnh Thái Bình

1997 - nay

Công tác tại Công ty
cổ phần Mía đường
Sơn La.

9/2008 - nay

Thành viên BKS Công ty
cổ phần Mía đường
Sơn La.



7


PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH VÀ ĐIỂM YẾU

Điểm mạnh (Strengths)

Gắn bó chặt chẽ với nông dân,
ít có sự cạnh tranh



Ảnh: Vùng nguyên liệu mía của SLS với diện tích 8.000 ha



Điểm mạnh (Strengths)



Công suất nhà máy ổn định, thường xuyên duy trì ở mức 3000 TMN

Niên vụ 2017-2018 công ty đã cố gắng nâng công suất lên 5000 TMN nhằm chế biến hết sản lượng mía của 8000 ha đúng vụ thu hoạch.



Điểm mạnh (Strengths)

Chất lượng mía (trữ đường) khá cao

Công ty đã tiến hành đầu tư
nhiều máy móc, thiết bị hiện đại
phục vụ cho mục tiêu đẩy mạnh
công suất chế biến và nâng cao
chất lượng sản phẩm





Điểm yếu (Weaknesses)



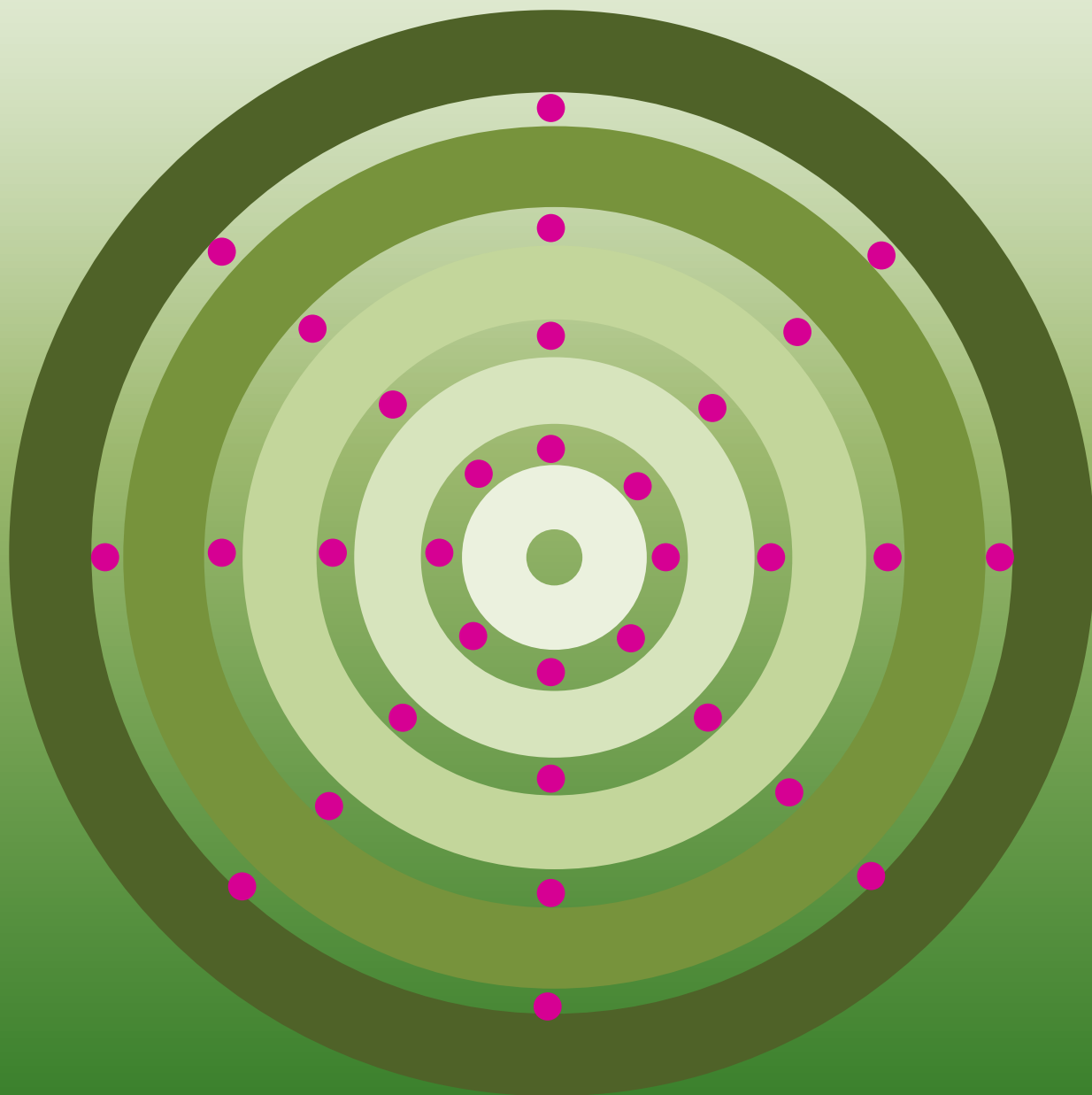
Vùng nguyên liệu khó cơ giới hóa do đất đồi núi nhiều, diện tích manh mún, khả năng mở rộng diện tích khó

Cơ sở hạ tầng, giao thông nội vùng nguyên liệu mía chưa phát triển.

Ảnh: Địa hình nhiều đồi núi hiểm trở và đường giao thông ở vùng nguyên liệu mía.

8 Định hướng và chiến lược phát triển

ĐỊNH HƯỚNG



Nguyên liệu

Định hướng hoạt động hiệu quả và chủ trương phát triển vùng nguyên liệu lâu dài dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của công ty và người trồng mía.

Phát triển sản phẩm

Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm cao. Phát triển sản phẩm cạnh đường và sau đường nhằm tạo giá trị gia tăng, giảm giá thành sản xuất.

Phân phối

Subtitle Example

Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần.

Quản lý hiệu quả

Subtitle Example

Không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành.

Công nghệ

Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, phương thức quản lý hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực công ty.

Nhân lực

Chú trọng tuyển dụng, đào tạo nhân sự kế thừa và duy trì nguồn nhân lực chuyên môn cao.

Chiến lược phát triển

trung hạn và dài hạn

Tập trung
vào đường

Chủ động
đầu vào

Tối đa lợi
ích

Tuân thủ
pháp luật

Mở rộng
sản xuất

Quảng bá

Thúc đẩy
kinh doanh

CHIẾN

LƯỢC

TRUNG

HẠN

VÀ

DÀI

HẠN

1

2

3

4

5

6

7

Đẩy mạnh kinh doanh chế biến đường, đầu tư phân bón cho vùng nguyên liệu.

Khai thác thêm các sản phẩm sau đường và các sản phẩm mới.

Xây dựng nguồn mía nguyên liệu tại chỗ, hỗ trợ nông dân chuyên canh cây mía.

Nâng cao năng lực hệ thống phân phối, phát huy tối đa thế mạnh thương hiệu.

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, tối đa hóa lợi ích của khách hàng.

Mục tiêu doanh thu và lợi nhuận 2016-2020 bình quân từ 10% trở lên mỗi năm.

Chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

9 Nhận định rủi ro chung

Rủi ro kinh tế

Niên vụ 2017 – 2018 vừa qua tiếp tục cho thấy nhiều khó khăn và bất ổn trong ngành mía đường Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung, các tổ chức quốc tế đều điều chỉnh hạ thấp dự báo tăng trưởng toàn cầu. Theo đánh giá ban đầu, kết quả trưng cầu dân ý tại Anh với việc đa số cử tri nước này chọn rời liên minh Châu Âu (EU) sẽ tác động đến từng quốc gia và nền kinh tế toàn cầu. Giá hàng hóa thế giới giảm sâu, đặc biệt là giá nhiên liệu và thực phẩm. Trong nước, sản xuất, kinh doanh tiếp tục phục hồi. Khu vực doanh nghiệp có chuyển biến tích cực, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đầu tư tư nhân và tiêu dùng phục hồi khá, ổn định vĩ mô được duy trì, lạm phát thấp và ổn định.

Bên cạnh những thuận lợi, Việt Nam cũng sẽ gặp phải thách thức cạnh tranh, có thể dẫn tới phá sản và tình trạng thất nghiệp ở các Doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh yếu, không được chuẩn bị kỹ cho hội nhập. Hơn nữa, việc giảm thuế quan có thể khiến luồng hàng từ các nước có nền kinh tế phát triển vào Việt Nam gia tăng, với giá cả cạnh tranh hơn. Thị phần hàng hóa liên quan tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và tình trạng cạnh tranh được dự báo sẽ ngày càng gay gắt hơn.



9 Nhận định rủi ro chung

Lạm phát

Giai đoạn 2017 - 2018, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn chịu nhiều ảnh hưởng từ hiện tượng chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp trong niên vụ trước. Lạm phát thấp mang đến nhiều cơ hội và thách thức cho nền kinh tế. Các chính sách cần được điều chỉnh cho phù hợp với diễn biến mới.

Lạm phát tác động đến tất cả các lĩnh vực kinh tế – xã hội, trong đó có hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất đường. Lạm phát thấp mang lại niềm vui cho người tiêu dùng; sự an tâm của các nhà đầu tư trong sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện cho các nhà hoạch định chính sách và quản lý, điều hành vĩ mô có cơ sở để đề ra và thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, hỗ trợ thị trường. Chính phủ có dư địa lớn hơn để nới lỏng chính sách tiền tệ và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Lãi suất

Lạm phát thấp tạo điều kiện cho lãi suất giảm là tín hiệu tốt của nền kinh tế, tuy nhiên, thực tế cung và cầu về vốn vẫn chưa thể gặp nhau. Doanh nghiệp không thể tiếp cận được khoản vay do không đáp ứng được các tiêu chuẩn của ngân hàng, trong khi đó, phía ngân hàng có thể hạ lãi suất, nhưng không thể hạ tiêu chuẩn cho vay. Khó khăn thiếu vốn vẫn còn và nhiều doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với những khó khăn phía trước.

Ngoài ra, thực tế lãi suất tại Việt Nam không chỉ gắn với vấn đề lạm phát, dù nó là biến số rất quan trọng. Vì lãi suất đồng VND còn gắn tương quan với lãi suất đồng USD, liên quan đến cách thức điều hành linh hoạt tỷ giá của Ngân hàng nhà nước.

Trong niên độ này, Công ty Cổ Phần Mía đường Sơn La tiếp tục kế hoạch đầu tư, nâng cấp dây chuyền sản xuất, nhu cầu nguồn vốn vay Ngân hàng là rất lớn, lãi suất có xu hướng giảm đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp cận nguồn vốn vay, giảm áp lực lãi vay cho Công ty.

9 Nhận định rủi ro chung

Rủi ro pháp lý

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế vì vậy pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn chịu sự quản lý, chỉ phối của các hiệp hội,... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là một công ty đại chúng, đơn vị niêm yết, Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Khi thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của các quy định niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chính sự điều chỉnh này sẽ làm cho hoạt động của Công ty ngày càng minh bạch, nâng cao năng lực quản trị công ty. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường khá mới mẻ, tính ổn định chưa cao, do đó các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể sẽ gây lúng túng cho các doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu nắm bắt các quy định mới của pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.



9 Nhận định rủi ro chung

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu mía đường Việt Nam còn rất khó khăn, sản lượng và doanh thu phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, chính sách cũng như tập quán canh tác của người nông dân. Nhiều nhà máy đường hoạt động trong tình trạng dưới công suất do thiếu nguyên liệu;

Phát triển vùng nguyên liệu mía là yếu tố sống còn đối với Công ty đường. Do vậy, từ nhiều năm nay, Công ty luôn chú trọng việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía, xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống tưới tiêu, hợp tác với nông dân qua các hợp đồng hỗ trợ giống, phân bón, đầu tư vốn cho nông dân. Trong quá trình hợp tác và hỗ trợ nông dân phát triển vùng nguyên liệu, Công ty đối mặt với rủi ro phát sinh như: bị chiếm dụng vốn, nông dân mất khả năng thanh toán.

Rủi ro thiếu hụt nguồn nguyên liệu

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất đường, tuy nhiên tóm lược lại có một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất: Do năng suất mía thấp. Trong những năm trở lại đây, năng suất trồng mía đã được cải thiện đáng kể, tuy nhiên so sánh với năng suất mía bình quân trên thế giới hiện nay là trên 100 tấn/ha thì năng suất mía của nước ta là khá thấp. Việc sử dụng giống mía cũ vào canh tác, người trồng mía không được hướng dẫn cụ thể về kỹ thuật canh tác, bệnh dịch, thời tiết xấu hoành hành là nguyên nhân chính dẫn đến năng suất trồng mía

thấp và có xu hướng giảm trong các năm qua.

Thứ hai: Nhiều nhà máy đường không tập trung phát triển vùng nguyên liệu. Thực tế cho thấy, phát triển vùng nguyên liệu là cơ sở để phát triển ổn định ngành mía đường cũng như sự thành bại của mỗi doanh nghiệp chế biến đường. Tuy nhiên ở nước ta mỗi doanh nghiệp làm theo một kiểu. Có doanh nghiệp ứng trước vốn cho nông dân mua giống, phân bón; có doanh nghiệp chỉ hỗ trợ kỹ thuật canh tác; nhiều doanh nghiệp không đầu tư cho nông dân mà đưa ra chính sách mua giá cao, nên khi thu hoạch thì nông dân lại đem bán cho các nhà máy có giá mua cao hơn, gây ra tình trạng các nhà máy ngày càng thờ ơ với việc đầu tư vùng nguyên liệu và hỗ trợ nông dân trồng mía.

Đứng trước thực trạng trên, nhiều chuyên gia kinh tế lo ngại nếu các doanh nghiệp sản xuất đường không hợp tác với nông dân, không tăng giá thu mua mía nguyên liệu và không tăng cường đầu tư vào vùng nguyên liệu thì trong vòng vài năm tới Việt Nam sẽ không còn mía để chế biến đường.

9 | Nhận định rủi ro chung

Rủi ro từ đối thủ cạnh tranh

Tình trạng thừa cung trên thị trường được dự báo sẽ còn tiếp tục diễn ra trong thời gian tới. Đường lậu vẫn là một vấn đề đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt trong thời gian tới hàng rào thuế quan sẽ dỡ bỏ trong khối ASEAN, TPP. Từ các yếu tố trên buộc các doanh nghiệp sản xuất đường trong nước cần nghiêm túc xem xét yếu tố cạnh tranh là điều kiện tiên quyết để tìm ra giải pháp có thể cạnh tranh và đứng vững trong giai đoạn sắp tới. Yêu cầu đặt ra là công ty phải xem xét mọi yếu tố trong đó chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, tạo sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng nhưng giá thành ở mức thấp nhất.

Rủi ro từ sản phẩm thay thế

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày một khó khăn, chỉ số giá tiêu dùng tại lĩnh vực liên quan đến hàng tiêu dùng, bánh kẹo, nước giải khát... ngày một tăng cao, để tiết giảm chi phí và giữ vững thị phần buộc các doanh nghiệp này cũng phải nghiên cứu và sử dụng sản phẩm thay thế với chi phí thấp hơn nhằm tiết giảm giá thành sản xuất. Do đó, nguy cơ sụt giảm khách hàng trong phân khúc này có thể tạo áp lực lớn về tiêu thụ cho các doanh nghiệp sản xuất đường.

Rủi ro khác

Hoạt động sản xuất đường sinh ra hàm lượng nước thải cao, ảnh hưởng đến môi trường gây phát sinh chi phí xử lý cao, thậm chí cả những rủi ro trong khâu xử lý.

Thiên tai, dịch bệnh là mối nguy hại ảnh hưởng lớn đến ngành nông nghiệp nói chung và sản xuất mía đường nói riêng. Đúc kết từ kinh nghiệm quá khứ để có thể chủ động phòng tránh những tổn hại có thể xảy ra, Công ty đã chủ trương phối hợp với trung tâm nghiên cứu ứng dụng mía đường đã khảo nghiệm và dự kiến cho ra đời các giống mía phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu đặc trưng từng tiểu vùng. Trong điều kiện thời tiết khô hạn, tình trạng cháy mía dễ xảy ra và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đường trong mía. Nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro này, Công ty cũng đã tổ chức phân ranh từng khu vực và trang bị các dụng cụ dự phòng, phối hợp chính quyền địa phương để quản lý chặt chẽ các vùng trồng mía khi vào giai đoạn thu hoạch.

C. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

NIÊN VỤ 2017 - 2018

1 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017 - 2018

- ✎ Tổng quan kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✎ Tổ chức và nhân sự
- ✎ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- ✎ Cổ phần, cổ đông và cổ phiếu SLS

2 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- ✎ Kết quả sản xuất niên vụ 2017-2018
- ✎ Kết quả kinh doanh niên vụ 2016 - 2017
- ✎ Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2017 - 2018

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✎ Đánh giá chung về ngành Mía đường
- ✎ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty niên vụ 2017 - 2018
- ✎ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong niên vụ 2017 - 2018
- ✎ Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của Hội đồng quản trị niên độ 2018 - 2019

1 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017 – 2018

Tổng quan kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với định hướng rõ rệt về ngành sản xuất kinh doanh ngay từ thời điểm thành lập, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn cố gắng phát huy tiềm lực vốn có để nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh từ cây mía. Trong niên vụ 2017 – 2018, SLS tiếp tục tập trung nguồn lực cho sản xuất kinh doanh đường, đây cũng là sản phẩm luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu mỗi năm của toàn công ty.

Chỉ tiêu	2017	2018	Chỉ tiêu tăng trưởng niên vụ 2017 - 2018 so với niên vụ liền trước
Doanh thu thuần	537,31	600,73	111,80%
Lợi nhuận gộp	196,58	157,52	80,13%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	163,78	114,34	69,81%
Lợi nhuận trước thuế	163,65	115,93	70,84%
Lợi nhuận sau thuế	163,07	115,93	71,09%

So sánh một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh niên vụ 2017 – 2018 với năm trước

Đơn vị: tỷ VNĐ

Tuy thành công trong việc đẩy mạnh kết quả kinh doanh so với niên vụ trước, Ban lãnh đạo công ty đã có nhiều trăn trở trong việc sản xuất và kinh doanh đường mía niên vụ này, khi mà mía Sơn La cũng không tránh khỏi khó khăn chung của toàn ngành.

Theo thống kê của Hiệp hội Mía đường Việt Nam vào ngày 15/3/2018, tồn kho của các doanh nghiệp trong hiệp hội đang rất cao, ước tính trên 70%. Tổng sản lượng sản xuất đường ở thời điểm đầu năm đạt 750 nghìn tấn, nhưng tồn kho lên đến 530 nghìn tấn. Về giá bán đường thành phẩm, giá trong năm nay giảm sâu ở mức 31% so với giá bán năm trước. So với năm 2017, mỗi kg đường bán ra thị trường ở mức giá trung bình 15.000 đồng - 16.000 đồng/kg nhưng giá năm nay giảm xuống chỉ còn 11.000 đồng - 11.200 đồng/kg. Trong khi đó, giá mua mía nguyên liệu vẫn giữ nguyên, dao động quanh mức 850.000 đồng/tấn đến 900.000 đồng/tấn, chỉ một số địa phương có xu hướng giá mua nguyên liệu mía giảm nhưng không đáng kể, khoảng 30.000 đồng/tấn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong ngành cũng bất lợi lớn về chính sách khi Bộ Tài chính đề xuất từ năm 2019 sẽ áp dụng mức thuế suất 10% đối với mặt hàng nước ngọt có đường, trừ sữa. Theo đánh giá của Hiệp hội Mía đường Việt Nam, chính sách kể trên sẽ tác động trực tiếp theo chiều hướng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Hiện nay, có bốn yếu tố là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng tiêu thụ đường của các nhà máy tại Việt Nam gặp khó khăn. Thứ nhất, tồn kho từ các năm trước cộng dồn khiến doanh nghiệp chịu áp lực. Thứ hai, tình trạng đường nhập lậu số lượng lớn, giá thành rẻ, dẫn tới cạnh tranh không lành mạnh. Thứ ba, một số đối tác của các nhà máy chuyển sang sử dụng đường lỏng thay đường kính, vì đường lỏng có giá tốt hơn do hưởng ưu đãi thuế tiêu thụ đặc biệt. Thứ tư, hiệu ứng từ Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) khiến nhiều đại lý kinh doanh lớn tạm dừng mua đường nội từ các nhà máy để nghe ngóng tính hình.

1

Tổng quan kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Để giải quyết bài toán khó, SLS nói riêng và các doanh nghiệp cùng ngành nói chung đang phải tự đi gỡ từng nút thắt với phương châm là “tự cứu mình” như lời khẳng định của Chủ tịch Hiệp hội Mía đường Việt Nam. Đứng trước nhiều thách thức, Ban lãnh đạo cùng cán bộ Mía đường Sơn La vẫn cố gắng đẩy mạnh năng suất lao động cũng như kết quả kinh doanh trong niên vụ. Riêng đối với thành phẩm đường, sản lượng trong niên vụ đã tăng gần 2% so với kế hoạch đề ra ở niên vụ trước. Tuy nhiên, SLS gặp nhiều rào cản khi vừa phải gấp rút nâng công suất nhà máy lại vừa phải giải quyết thêm khối lượng lớn các công việc phát sinh theo mùa vụ.

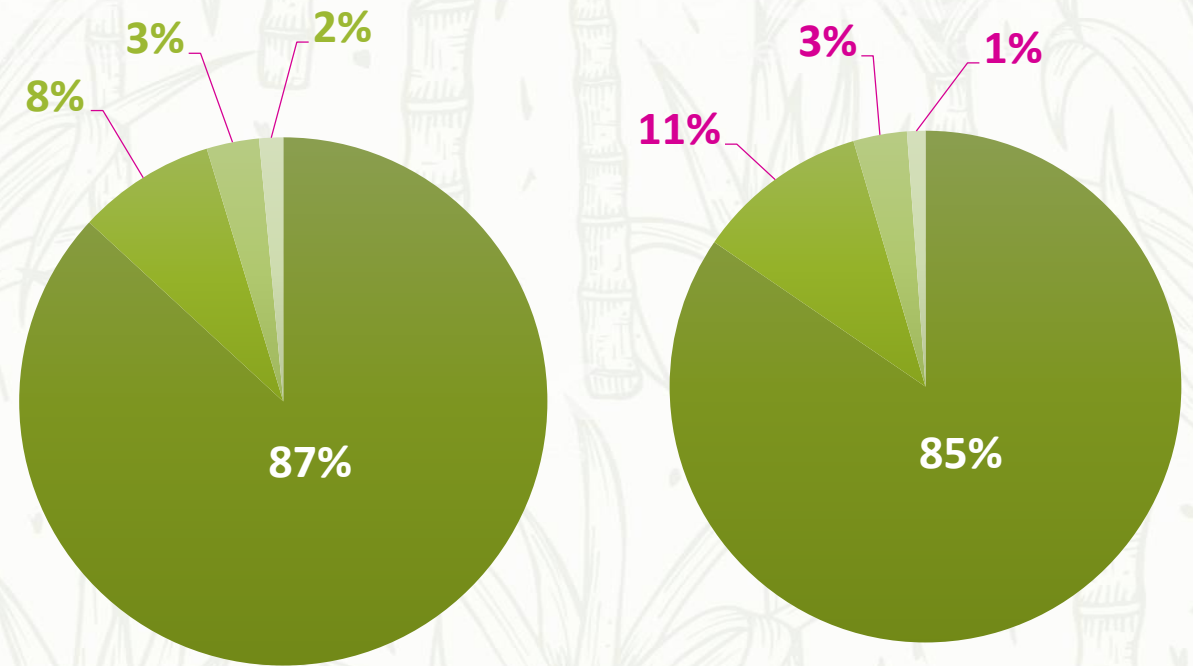
Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch
Tổng doanh thu	798,00	600,73	75,28%
Tổng chi phí	742,20	484,79	65,32%
Lợi nhuận trước thuế	55,80	115,93	207,76%
Lợi nhuận sau thuế	55,50	115,93	208,88%

So sánh tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2017 - 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

Khép lại niên vụ 2017 – 2018, vượt qua nhiều khó khăn của thị trường và lo ngại về rào cản trong chính sách chung, lãnh đạo cùng cán bộ Mía Đường Sơn La vẫn tiếp tục gặt hái thành quả kinh doanh đáng tự hào trong một niên vụ sản xuất nhiều biến động.

■ Đường, mật rỉ ■ Phân bón, mía giống ■ Xăng dầu ■ Khác



Niên vụ 2016 - 2017

Niên vụ 2017 - 2018

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

Đơn vị: Tỷ đồng

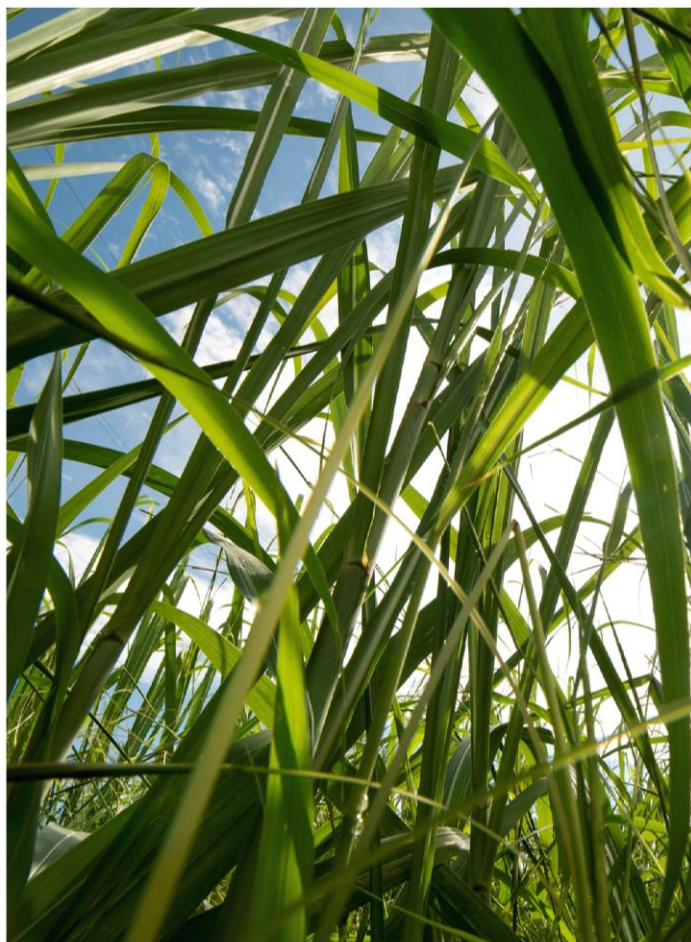
Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm trong niên vụ 2017 – 2018 tuy không có sự thay đổi về danh mục sản phẩm nhưng đã có xu hướng biến động nhẹ ở hai loại sản phẩm chính của công ty. Có thể khẳng định chắc chắn đường vẫn là sản phẩm chủ lực đem lại doanh thu chính cho SLS, nhưng năm nay doanh thu từ đường đã giảm nhẹ 2% trong tổng cơ cấu doanh thu theo sản phẩm, trong khi phân bón và mía giống lại đóng góp 11% cho tổng doanh thu toàn niên vụ, tăng 3% tỷ trọng của sản phẩm này trong doanh thu so với niên vụ trước.

1

Tổng quan kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nguyên nhân của sự suy giảm nhẹ tỷ trọng đường trong cơ cấu doanh thu SLS năm nay phía kể đến bất lợi giá bán đường ở thị trường trong nước giảm mạnh. Bên lại, hoạt động sản xuất của công ty vẫn được duy trì hiệu quả với công suất lên tới 5000 TMN, giúp công ty thu thêm khoản lợi từ phân bón và mía giống – vốn là những nguyên liệu đầu vào và đầu ra của quy trình sản xuất đường mía. Bên cạnh đó, xăng dầu là những mặt hàng được Mía Đường Sơn La sử dụng chủ yếu để phục vụ cho quá trình sản xuất đường nên doanh thu đem lại không quá cao, chỉ chiếm 1% - 2% mỗi năm nếu xét về doanh thu kinh doanh mặt hàng này.

Với tỷ trọng doanh thu cao và lượng sản xuất ngày càng lớn, đường vẫn luôn được coi là sản phẩm làm nên tên tuổi lâu dài cho Mía Đường Sơn La. Tuy ở niên vụ 2017-2018, mặt hàng này gặp nhiều khó khăn ở cả thị trường trong nước và thế giới, nhưng đường mía Sơn La vẫn đạt được những thành quả nhất định. Ban lãnh đạo công ty - với niềm tin vững chắc vào tương lai của cây mía Việt Nam, luôn tâm huyết muốn được gắn bó, đồng hành cùng bà con nông dân và các cán bộ công nhân viên, phát triển và đưa sản phẩm đường cùng tên tuổi của SLS ngày một vang xa.



1 | TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban lãnh đạo Công ty

Xem thông tin chi tiết tại Mục B. Tổng quan công ty

Thay đổi thành phần Ban lãnh đạo niên vụ 2017 – 2018

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 diễn ra vào ngày 25/09/2018, các cổ đông của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã nhất trí bầu ra Ban lãnh đạo nhiệm kỳ mới 2018 - 2023 với năm thành viên Hội đồng quản trị và ba thành viên Ban kiểm soát.

05 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm có:

1. Ông Đặng Việt Anh
2. Ông Trần Ngọc Hiếu
3. Ông Nguyễn Trường Chinh
4. Bà Trần Thị Nhi
5. Ông Thái Văn Hùng

03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy
2. Ông Nguyễn Văn Minh
3. Ông Nguyễn Văn Tài

Số lượng lao động niên vụ 2017 – 2018

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2018 là 276 người (tại ngày 30/06/2017 là 289 người).



Chính sách đối với người lao động

Chế độ lương

Ban điều hành Công ty luôn xác định thu nhập của người lao động là yếu tố quan trọng để người lao động gắn bó với Công ty, nên Công ty luôn quan tâm nâng cao năng lực sản xuất tạo việc làm cho người lao động, Năm 2017-2018, tiền lương bình quân của người lao động là 6.379.000 đồng/ng/tháng.

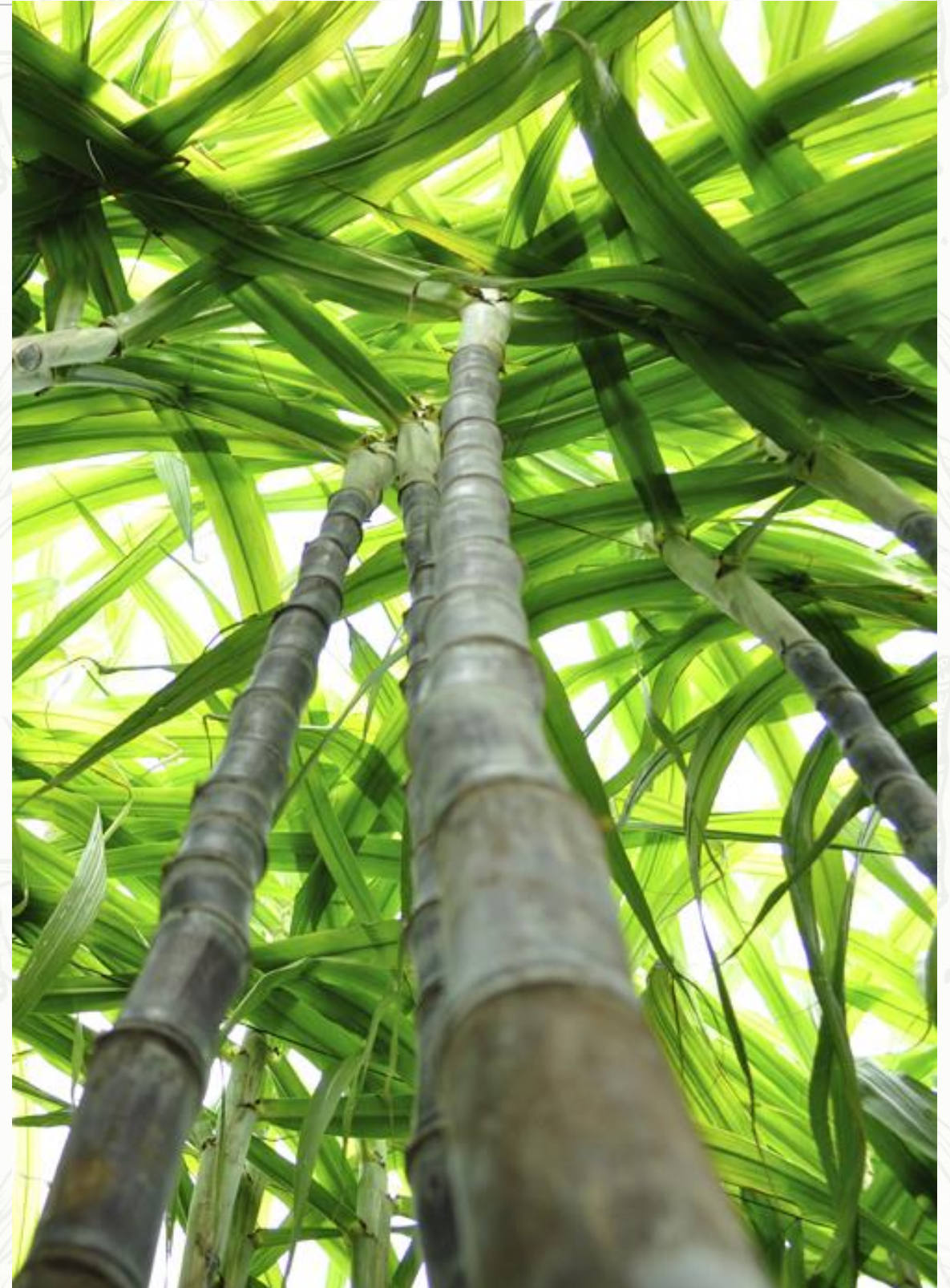
Các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chế độ khen thưởng

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La sản xuất theo mùa vụ nhưng các ngày lễ tết như: Tết dương lịch, tết nguyên đán; ngày lễ 30/4, mừng 1/5... Công ty đã luôn quan tâm tặng quà cho cán bộ công nhân lao động trong toàn Công ty, ngoài ra nhân ngày Quốc tế Người lao động Công ty còn mua thẻ Bảo hiểm con người tặng cho toàn thể người lao động trong Công ty.

Sắp xếp lao động hợp lý theo mùa vụ

Niên vụ 2017-2018, Công ty đã sắp xếp lại lao động để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc, giảm chi phí SXKD. Định biên lao động niên vụ 2017-2018 là 425 người, tăng 29 người so với niên vụ 2016-2017 là do niên vụ 2017-2018 Công ty có sản xuất đường RE.



1 | Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Dự án đầu tư nâng công suất

Dự án này đã được tiến hành từ niên vụ trước nhằm đến ổn định công suất 5000 TMN cho dây chuyền chế biến đường RS tại Công ty cổ phần Mía đường Sơn La trong giai đoạn 2016 - 2018. Niên vụ 2016 – 2017 được xem là giai đoạn đầu của dự án này với công suất 3000 TMN của dây chuyền. Việc đầu tư nâng cấp thiết bị và nghiêm túc thực hiện dự án này cho thấy quyết tâm của ban lãnh đạo trong việc nâng cao chất lượng và uy tín cho thương hiệu đường của công ty.



Hệ thống máy móc được đầu tư mua mới tại CTCP Mía Đường Sơn La

dây chuyền chế biến đường

Niên vụ 2017-2018, Công ty đã đầu tư nâng cấp thành công dây chuyền chế biến đường ổn định, công suất 5.000 TMN. Ngày 18/12/2017, nhà máy đã đi vào sản xuất kịp thời vụ. Công suất ép của dây chuyền sản xuất đường được nâng cao nên vụ sản xuất 2017-2018 tuy sản lượng mía có tăng so với kế hoạch, thời tiết mưa nhiều, thời gian dừng ép để chờ mía tăng nhưng Công ty đã chế biến hết được sản lượng mía của nông dân. Sản lượng đường sản xuất thực tế tăng gần 2% so với kế hoạch.



1 | Cổ phần, cổ đông và cổ phiếu SLS

Cổ phiếu niêm yết và lưu hành

Ngày niêm yết	:	16/10/2012
Giá ngày giao dịch đầu tiên	:	26.900
Khối lượng niêm yết lần đầu	:	6.800.000
Khối lượng niêm yết hiện tại	:	9.791.945
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	9.791.945

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng.

☞ Năm 2012: Tăng vốn điều lệ lên 68.000.000.000 VNĐ

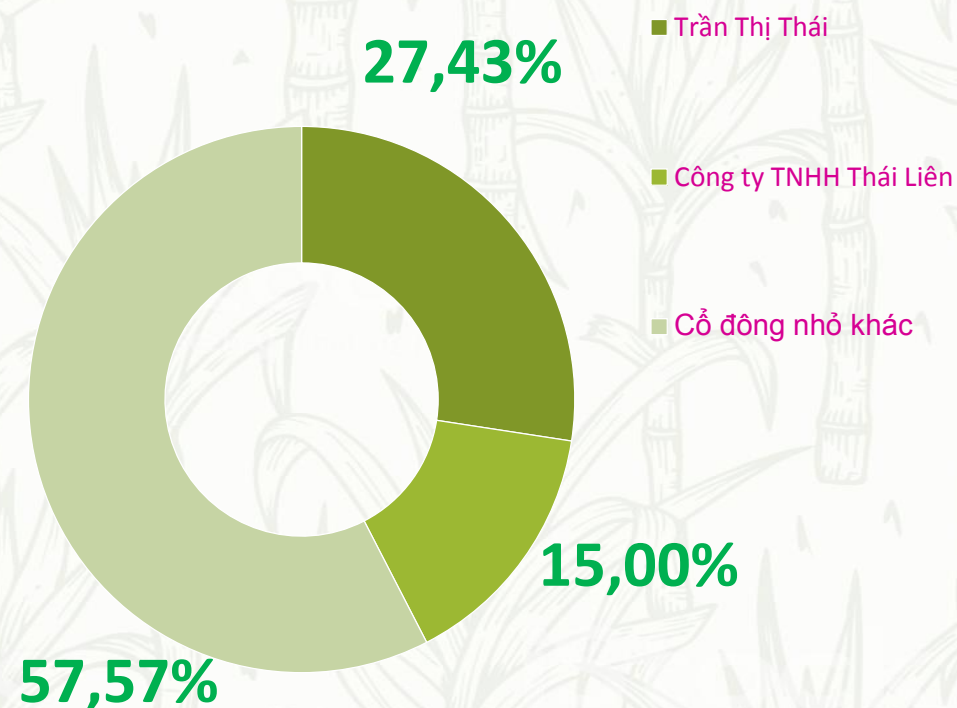
☞ Năm 2017: Tăng vốn điều lệ lên 81.599.830.000 VNĐ

☞ Năm 2018: Tăng vốn điều lệ lên **97.919.450.000 VNĐ**

Cổ phiếu SLS niên độ 2017 – 2018



Cơ cấu cổ đông của công ty



Giao dịch cổ phiếu quỹ

Hiện tại công ty không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

2 | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả sản xuất niên vụ 2017-2018

a. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu

Niên vụ 2017 - 2018, diện tích mía toàn vùng của Công ty đạt 7.865 ha, tăng 365 ha so với kế hoạch (7.500 ha) và tăng 1.686 ha so với niên vụ 2016 - 2017 (6.164 ha). Việc diện tích mía nguyên liệu tăng xuất phát từ việc Công ty đã luôn chú trọng đến công tác tuyên truyền vận động, chú trọng đến chính sách đầu tư cho vùng nguyên liệu mía, quan tâm lắng nghe nguyện vọng của người trồng mía để điều chỉnh chính sách phù hợp, đảm bảo hài hoà giữa lợi ích của Công ty và người trồng mía. Cây mía thực sự là cây “xóa đói, giảm nghèo”, mang lại thu nhập, công ăn việc làm cho nông dân (nhất là tại các vùng khó khăn) nên được chính quyền địa phương quan tâm và ủng hộ.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
1	Diện tích vùng nguyên liệu	ha	7.500	7.865	104,9 %
2	Năng suất bình quân	tấn/ha	67	69,2	103,2 %
3	Tổng sản lượng mía (bao gồm cả mía chế biến)	tấn	526.955	544.980	103,4 %
	Sản lượng mía chế biến	tấn	494,455	505,193	102,2 %

Kết quả sản xuất mía nguyên liệu niên vụ 2017-2018

Công tác phát triển diện tích mía niên vụ 2017 - 2018 tuy tăng vượt kế hoạch nhưng diện tích các vùng gần, địa hình thuận lợi thì lại giảm lớn do cạnh tranh với cây trồng khác (chủ yếu là cây ăn quả). Điều này đã khiến vùng nguyên liệu mía phải mở rộng tới các vùng cao, sâu, xa, diện tích manh mún, nông dân có trình độ canh tác kém..., dẫn đến tăng chi phí vận chuyển, giảm năng suất bình quân. Mặt khác, địa hình chia cắt, nhỏ lẻ nên không thể áp dụng được cơ giới hóa và các tiến bộ khoa học kỹ thuật khác. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu lao động cũng đã dẫn đến sự thiếu hụt lao động cục bộ trong vụ thu hoạch.

Niên vụ 2017 – 2018 cho ra năng suất mía bình quân toàn vùng là 69,2 tấn/ha, nhưng tiềm năng để tiếp tục tăng trưởng rất hạn chế do diện tích phát triển nguyên liệu chỉ tập trung ở các vùng đất đồi cao, thiếu nước.

Đường giao thông nội vùng nguyên liệu mía đa số là đường đất, đồi dốc nên khi trời mưa to không vận chuyển được mía về nhà máy.

2 | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả sản xuất niên vụ 2017-2018

b. Kết quả sản xuất chế biến đường

Niên vụ 2017 - 2018, Công ty đã đầu tư nâng cấp dây chuyền chế biến đường ổn định, công suất 5.000 TMN. Ngày 18/12/2017, nhà máy đã đi vào sản xuất kịp thời vụ. Công suất ép của dây chuyền sản xuất đường được nâng cao nên vụ sản xuất 2017-2018 tuy sản lượng mía có tăng so với kế hoạch, thời tiết mưa nhiều, thời gian dừng ép để chờ mía tăng nhưng Công ty đã chế biến hết được sản lượng mía của nông dân. Sản lượng đường sản xuất thực tế tăng gần 2% so với kế hoạch.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
1	Sản xuất, chế biến đường RS	tấn	61.807	62.937	101,8 %
2	Sản xuất, chế biến đường RE	tấn		4.885	
3	Sản lượng mật rỉ	tấn	20.767	24.393	117,5 %

Kết quả sản xuất chế biến đường niên vụ 2017-2018

Tuy nhiên, để có được kết quả trên Công ty đã gặp không ít khó khăn như: 02 năm liền thực hiện nâng công suất nhà máy với khoảng thời gian ngắn nhưng khối lượng công việc rất nhiều, hầu hết các công đoạn của dây chuyền đều tháo dỡ chuyển đổi và lắp đặt mới các thiết bị máy móc đáp ứng theo công suất chế luyện.

Về nhân lực lao động: khá nhiều công nhân mới được tuyển dụng bổ sung, mặc dù Công ty đã mời Trường cao đẳng nghề Cơ điện và Công nghệ thực phẩm Hà Nội đào tạo cả lý thuyết và thực hành, cùng với sự nhiệt tình hướng dẫn của các công nhân lành nghề lâu năm nhưng khi đi vào vận hành máy móc thiết bị vẫn gặp nhiều khó khăn, làm giảm phần nào hiệu quả phối hợp giữa các công đoạn.

Thời tiết cuối vụ vào tháng 5 mưa nhiều, làm kéo dài thời sản xuất và tiêu tốn năng lượng dẫn đến tăng giá thành sản phẩm.

1 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả sản xuất niên vụ 2017-2018

c. Kết quả sản xuất phân bón

Công tác sản xuất phân vi sinh và bùn ủ men mục đích chủ yếu để cung cấp cho vùng nguyên liệu mía của Công ty nhằm tái tạo đất, cung cấp chất dinh dưỡng cho cây mía chứ không đặt nặng về kinh doanh.

Niên vụ 2017-2018, Công ty sản xuất phân vi sinh và bùn ủ men (chủ yếu bùn tươi ủ men) theo nhu cầu đăng ký mua của các hộ dân trong vùng nguyên liệu mía, nên sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó không bị tồn kho, bãi, bảo vệ được môi trường.



Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
Sản lượng phân vi sinh	tấn	3.500	1.971	56,3 %
Phân bùn ủ men.	tấn	22.251	26.577	119.4 %

Kết quả sản xuất phân bón niên vụ 2017-2018

2 | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả kinh doanh niên vụ 2017-2018

Dưới đây là một số chỉ tiêu căn bản kết quả hoạt động tài chính năm 2017-2018 (từ 01/7/2017 đến 30/6/2018):

Chỉ tiêu	Kế hoạch (VNĐ)	Thực hiện (VNĐ)	Tỷ lệ thực hiện trên kế hoạch
Tổng doanh thu	798.000.000.000	600.726.878.201	75,3%
Tổng chi phí	742.200.000.000	484.792.486.980	65,3%
Lợi nhuận trước thuế	55.800.000.000	115.934.391.221	207,8%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	55.500.000.000	115.934.391.221	208,9%
Lãi cơ bản/cổ phiếu		13.531	

Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2018-2019

Sản xuất mía đường nói chung luôn bị ảnh hưởng trực tiếp bởi những diễn biến phức tạp của thời tiết như: hạn hán, lũ lụt, sương muối... Khí hậu ngày một biến đổi phức tạp; cây mía luôn phải cạnh tranh quyết liệt với cây trồng khác trên địa bàn nên sản xuất mía luôn phải đối mặt với những khó khăn ngày một lớn hơn.

Vụ 2018 -2019, ngành mía đường trong nước nói chung và Công ty cổ phần mía đường Sơn La nói riêng tiếp tục đối mặt với những khó khăn mới: Dự báo tình trạng đường dư thừa vẫn kéo dài. Hiệp định ATIGA đối với mặt hàng đường đã được Chính phủ gia hạn đến 31/12/2019 nhưng do ảnh hưởng tâm lý, cộng với lượng đường nhập lậu tràn lan, đường lỏng (chất tạo ngọt) với thuế suất bằng 0% được nhập khẩu với số lượng lớn từ Trung Quốc, Hàn Quốc đã làm cho giá đường sản xuất trong nước giảm sâu từ vụ 2017-2018 và dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong vụ 2018 -2019.

Sau khi xác định rõ những khó khăn, thuận lợi trước mắt cũng như lâu dài, để chủ động thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2018-2019, Ban điều hành Công ty đã mạnh dạn đề xuất các chỉ tiêu cho niên vụ tới như sau và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất nhất trí thông qua:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2018-2019

Để chủ động thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2018 - 2019, Ban điều hành Công ty đã đề ra một số giải pháp:

- ✓ Để vùng nguyên liệu phát triển ổn định bền vững và lâu dài thì cần tiếp tục có các chính sách đầu tư phù hợp để bà con nông dân thực hiện chuyên canh cây mía; việc sản xuất mía phải đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía và Công ty. Nhằm tạo nền tảng vững chắc xây dựng nguồn mía nguyên liệu đáp ứng được công suất dây chuyền chế biến của Nhà máy, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương và người lao động trong công ty.
- ✓ Công suất ép của dây chuyền chế biến đường luôn phải phù hợp với sản lượng mía để tiêu thụ hết mía cho bà con nông dân đúng vụ thu hoạch nhằm giảm áp lực mùa vụ, tăng hiệu quả thu hồi, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tạo giá trị gia tăng, giảm giá thành sản xuất.
- ✓ Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, mở rộng thị trường tiêu thụ, duy trì mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.
- ✓ Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin và đầu tư tăng các thiết bị tự động hóa nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty.
- ✓ Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và tập trung nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực chính: Kinh doanh chế biến đường, kinh doanh phân bón.
- ✓ Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, trồng cây xanh, vệ sinh công nghiệp.
- ✓ Tham gia tích cực với các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn, thực hiện có hiệu quả các chương trình an sinh xã hội và khẳng định được vị thế của cây mía là cây xóa đói giảm nghèo bền vững, góp phần không nhỏ trong chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương trong vùng nguyên liệu mía.

Sau khi xác định rõ những khó khăn, thuận lợi trước mắt cũng như lâu dài, để chủ động thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2018-2019, Ban điều hành Công ty đã mạnh dạn đề xuất các chỉ tiêu cho niên vụ tới như sau và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất nhất trí thông qua:

Chỉ tiêu	Kế hoạch niên vụ 2018 - 2019 (VNĐ)
Tổng doanh thu	900.653.000.000
Tổng chi phí	880.553.000.000
Lợi nhuận trước thuế	20.100.000.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.100.000.000

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung về ngành Mía đường

Niên vụ 2017-2018, là một năm khó khăn cho ngành đường thế giới nói chung và mía đường Việt Nam nói riêng. Giá đường trong nước giảm sâu do tình trạng dư cung lớn. Giá bán buôn đường kính trắng RS giảm gần 30% so với cùng kỳ năm trước do áp lực bỏ hạn ngạch nhập khẩu, giảm thuế suất về 5%; áp lực từ đường lậu và đường lỏng với thuế suất 0% từ Trung Quốc, Hàn Quốc. Tuy hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) được gia hạn đến cuối năm 2019 nhưng cũng không giảm được khó khăn cho ngành mía đường trong nước.

Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị đã đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm 2017-2018 và được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua phù hợp với thực tế, định hướng tốt cho Ban điều hành Công ty trong triển khai thực hiện.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và Nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành đã triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ, đầu tư phù hợp với tình hình thực tế của vùng nguyên liệu mía.

- Niên vụ 2017-2018, diện tích mía toàn vùng của Công ty đạt 7.865 ha, tăng 1.686 ha so với niên vụ 2016 - 2017 (6.164ha). Số hộ dân ký hợp đồng trồng mía với Công ty là 8.626 hộ dân;
- Dây chuyền chế biến đường đã được nâng công suất ổn định đáp ứng được việc tiêu thụ hết sản lượng mía cho bà con nông dân trong vùng nguyên liệu mía của Công ty
- Công tác tổ chức đã tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp định biên lao động phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của công ty;
- Công tác mua sắm vật tư được cân nhắc và khảo sát kỹ thị trường trước khi mua nên tiết giảm được chi phí khá lớn.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty niên vụ 2017 - 2018

a. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Đánh giá tổng quan năm 2017-2018, Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế. Thị phần giữ được mức ổn định, đây là kết quả rất đáng phấn khởi trong bối cảnh ngành đường Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn. Với việc chủ động nắm bắt cơ hội, giải quyết tốt các vấn đề khó khăn, tiết kiệm chi phí nên năm 2017-2018 Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Kết quả đạt được (VNĐ)
Tổng doanh thu	600.726.878.201
Tổng chi phí	484.792.486.980
Lợi nhuận trước thuế	115.934.391.221
Lợi nhuận sau thuế TNDN	115.934.391.221

3 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty niên vụ 2017 - 2018

b. Đánh giá một số công tác khác

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và Nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành đã triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ, đầu tư phù hợp với tình hình thực tế của vùng nguyên liệu mía.

- Song song với mục tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt các nội dung công việc theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với công ty niêm yết.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách lao động theo luật định. Duy trì trật tự kỷ cương trong công ty.
- Thực hiện tốt các quy định về ATVSLĐ, PCCN, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động theo luật định, tích cực thực hiện Bảo vệ môi trường.



Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong niên vụ 2017 - 2018

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 HĐQT đã triển khai:

- ✓ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (*danh sách đăng ký cuối cùng ngày 19/3/2018*) với tỷ lệ 20%/VĐL, đến ngày 04/5/2018 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có thông báo ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết bổ sung: Ngày giao dịch chính thức: 15/5/2018.
- ✓ Ngày 29/3/2018, HĐQT đã sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La thay đổi vốn Điều lệ từ 81.599.830.000 đồng lên 97.919.450.000 đồng và bổ sung ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đã thông qua.
- ✓ Ngày 28/5/2018, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần thứ 8) và đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Họp hội đồng quản trị:

- Năm 2017 - 2018, Hội đồng Quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định để triển khai Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua, ban hành 58 Nghị quyết của HĐQT đề ra các chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư.
- Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia mở rộng của Ban điều hành, Ban Kiểm soát và các đơn vị có liên quan nhằm tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt các khó khăn và đưa ra các chỉ đạo kịp thời theo từng lĩnh vực được phân công theo dõi, giám sát.

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã điều hành các hoạt động của Hội đồng Quản trị theo đúng thẩm quyền. Các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực quản lý, giám sát công ty; đưa ra những đánh giá, ý kiến khách quan nhằm mục tiêu tăng cường công tác quản trị công ty; hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.
- Hội đồng quản trị thường xuyên có sự thảo luận, hội ý và thống nhất các ý kiến chỉ đạo đối với từng công việc phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc:

- ❖ Trong vai trò quản trị, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên và sát cánh cùng Ban điều hành để kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt đảm bảo đúng định hướng “Tăng trưởng bền vững - hiệu quả hợp lý” cho Công ty và hỗ trợ Ban điều hành giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý điều hành.
- ❖ Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty trong công tác triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng Quản trị. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc, Ban điều hành; kiểm tra tình hình chấp hành tuân thủ các quy định của Pháp luật đối với hoạt động của Công ty.
- ❖ Năm 2017 - 2018, Tổng giám đốc và BCH đã tích cực thực hiện các Quyết nghị của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các khuyến cáo của BKS. Hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã nỗ lực phấn đấu và hoạt động có hiệu quả, giúp cho Công ty hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu SXKD.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của Hội đồng quản trị niên độ 2018 – 2019

Nhận định tình hình chung

Theo tổ chức Mía đường Quốc tế (ISO) cảnh báo không nên quá kỳ vọng giá đường sẽ tăng trở lại; Đồng thời ISO cũng dự đoán tình trạng dư thừa sản lượng đường còn kéo dài đến vụ mùa 2018-2019 (giai đoạn 10/2018 đến 9/2019).

Tình hình chống buôn lậu vẫn chưa được thực hiện triệt để. Vì vậy, để tồn tại và phát triển chúng ta phải tìm cách giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Mục tiêu và nhiệm vụ năm 2018 – 2019

Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định vượt qua giai đoạn khó khăn. Hội đồng Quản trị đề ra phương hướng hoạt động SXKD năm 2018 - 2019, với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Mục tiêu và nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	900,65
Tổng chi phí	Tỷ đồng	880,55
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,10
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	20,10
Chia cổ tức bằng tiền	10% / vốn điều lệ	
Đảm bảo việc làm và ổn định mức thu nhập cho người lao động		
Nâng cao công suất dây chuyền chế biến đường đáp ứng chế biến kịp mùa vụ thu hoạch mía		

Kế hoạch phương hướng:

Niên vụ 2018- 2019, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;
- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2018 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch và đạt mức tăng trưởng cao;
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự, tăng cường công tác đào tạo và nâng cao nghiệp vụ cho người lao động;
- Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV trong Công ty;
- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía.
- Tiếp tục hoàn thiện “Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 5.000 TMN (Giai đoạn 2017-2018)” nhằm ổn định công suất và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Phát triển sản phẩm cạnh đường và sau đường nhằm tạo giá trị gia tăng, giảm giá thành sản xuất.
- Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm.
- Không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành.
- Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, phương thức quản lý hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty.

D. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3

BAN KIỂM SOÁT

4

THÙ LAO CỦA

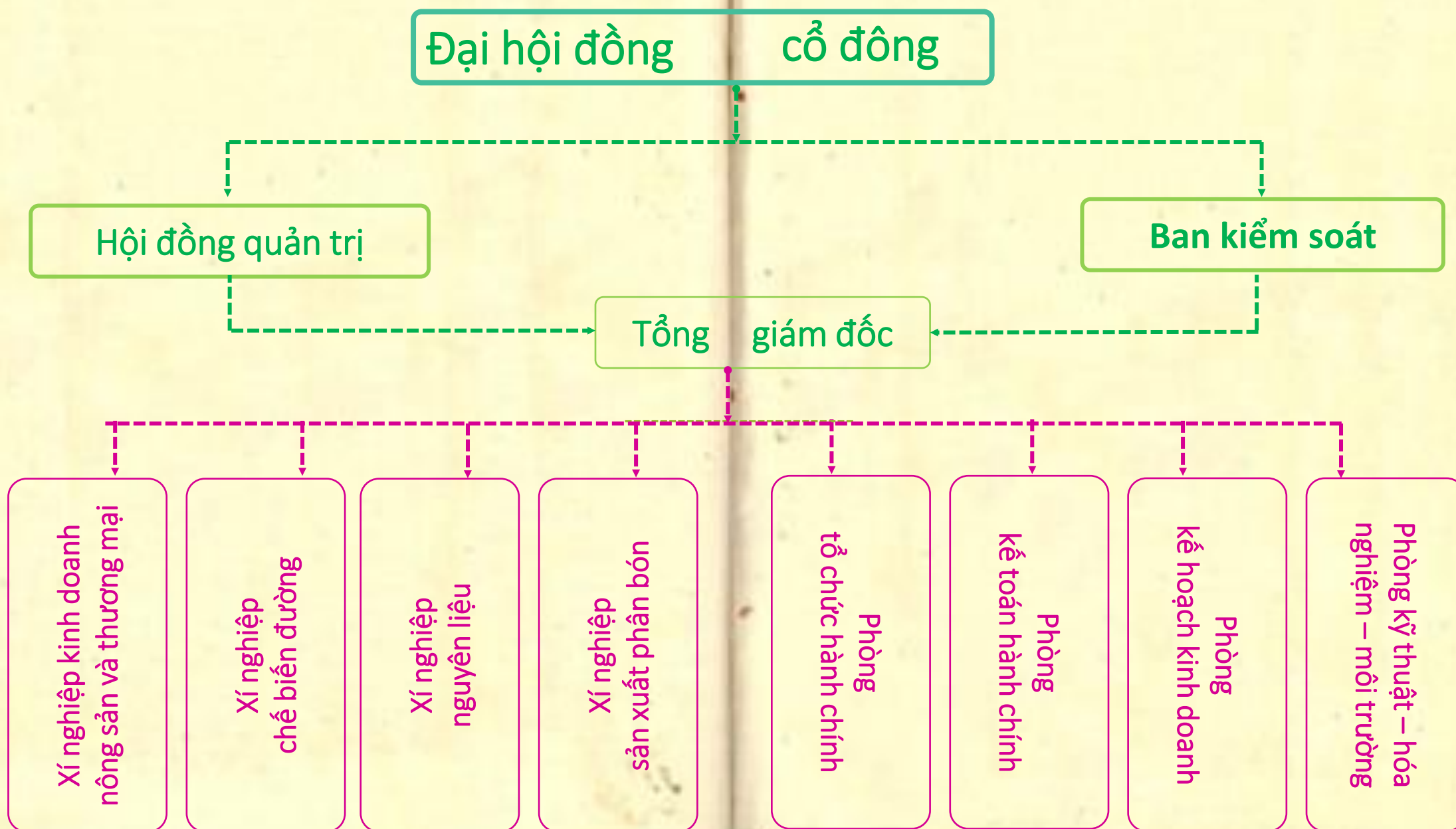
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

5

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA

NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA
NGƯỜI NỘI BỘ

1 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY



2 | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động giám sát đối với Tổng Giám Đốc trong niên độ 2017 - 2018

Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban giám đốc thông qua:

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Tổng giám đốc.

Hội Đồng Quản Trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất, kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng giám đốc Công ty gửi Hội Đồng Quản Trị.

Hội Đồng Quản Trị phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và Kiểm tra tình hình chấp hành tuân thủ các quy định của Pháp luật đối với hoạt động của Công ty.

Chủ tịch HĐQT điều hành các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị theo đúng thẩm quyền, hoàn thành các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Hội Đồng Quản Trị ra quyết định.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Công ty hiện nay không có tiểu ban này.



Ông
ĐẶNG VIỆT ANH

CHỦ TỊCH
HĐ QUẢN TRỊ



Ông
TRẦN NGỌC HIẾU

PHÓ CHỦ TỊCH
HĐ QUẢN TRỊ



Bà
TRẦN THỊ NHI

THÀNH VIÊN
HĐ QUẢN TRỊ



Ông
Thái Văn Hùng

THÀNH VIÊN
HĐ QUẢN TRỊ



Ông
Nguyễn Trường Chinh

THÀNH VIÊN
HĐ QUẢN TRỊ

3 | BAN KIỂM SOÁT



Bà
NGUYỄN THỊ THỦY

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Ông
NGUYỄN VĂN MINH

THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT



Ông
NGUYỄN VĂN TÀI

THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT

Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát

- ✓ BKS soát xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo đã được kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán qua các năm về báo cáo tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn của Công ty.
- ✓ BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ và tổ chức hoạt động, các quy chế, quy định của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.
- ✓ Giám sát chặt chẽ công tác thông tin, các công bố thông tin về báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, báo cáo thường niên theo quy định về công bố thông tin của UBCK nhà nước.

Pối hợp và giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD

- ✓ HĐQT, Ban TGD hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- ✓ HĐQT, Ban TGD đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, có sự tham gia của BKS để triển khai các biện pháp thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và ban hành các nghị quyết, quyết định chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ TGD điều hành Công ty thực hiện đúng theo các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT. Để đạt được mục tiêu và chủ trương của HĐQT, TGD đã có những đề xuất và triển khai thực hiện nghiêm túc các hoạt động SXKD, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các dự án.

Đánh giá chung của Ban kiểm soát về báo cáo tài chính niên vụ 2017 – 2018:

- ✓ Báo cáo tài chính hàng năm đều được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập và được đánh giá Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12 và 30/06 phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- ✓ Công ty đã xử lý theo đúng quy định về trình tự thủ tục đối với khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi và đã trích lập dự phòng đầy đủ.
- ✓ Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh với tài sản ngắn hạn từ năm 2013 đến 30/06/2016 đều lớn hơn trên 2 lần nợ ngắn hạn, riêng 2 thời điểm 30/06/2017 và 30/06/2018 có giảm là 1,66 lần và 1,16 lần. Công ty có khả năng đáp ứng về vốn đối với các hoạt động SXKD chính của Công ty trong nhiệm kỳ.

4 THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Tổng mức chi thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc,

Ban kiểm soát của Công ty chi tiết như sau:

Năm trước : 1.181.537.296 VNĐ

Năm nay : 1.167.958.333 VNĐ

5 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Cho đến thời điểm lập báo cáo thường niên này, không có phát sinh giao dịch cổ phiếu SLS của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.



E. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3

CÔNG TÁC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG
VÀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG CHO
NGƯỜI LAO ĐỘNG

1 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



□ Tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu để đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài. Xây dựng nguồn mía nguyên liệu tại chỗ, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương. Hỗ trợ về vốn, giống, phương tiện kỹ thuật để bà con nông dân thực hiện chuyên canh cây mía. Hỗ trợ nông dân thay đổi giống mía mới phù hợp thổ nhưỡng, có năng suất, chữ đường cao, có khả năng chống chịu thời tiết bất lợi, sâu bệnh, sâu bệnh; triển khai thực hiện cánh đồng mía lớn; đầu tư thủy lợi và tưới tiêu...

□ Duy trì và phát huy đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho Công ty và xã hội.

□ Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải vùng nguyên liệu, phục vụ cho chính nhu cầu Công ty và cả địa phương.

□ Bên cạnh đó chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, luôn quan tâm và đầu tư công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, trồng cây xanh, vệ sinh công nghiệp.

1 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các chương trình đã và đang được triển khai tại SLS hướng tới phát triển bền vững:

❖ Nghị quyết số 31/NQ- HĐQT ngày 22/4/2016: Thống nhất đổi đường không đảm bảo chất lượng cho khách hàng

❖ Nghị quyết số 32/NQ- HĐQT ngày 23/4/2016 Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000TMN (giai đoạn 2016-2018) – Giai đoạn 1 (2016 - 2017) đạt công suất 3000TMN.

❖ Nghị quyết số 36/NQ- HĐQT ngày 7/5/2016: Thống nhất thuê đơn vị tư vấn nước ngoài khảo sát đánh giá toàn bộ dây chuyền SX đường RS và lập phương án đầu tư thiết bị ổn định công suất 3000 TMN vụ 2016- 2017 và 4000 TMN vụ 2017-2018; Đánh giá và giải quyết dứt điểm các nhược điểm của dây chuyền RE; Xây dựng kế hoạch phát triển ổn định vùng nguyên liệu mía và một số nội dung khác.



Hệ thống sản xuất với không gian xanh tại CTCP Mía Đường Sơn La

❖ Nghị quyết số 49/NQ- HĐQT ngày 18/6/2016 : Phê duyệt kế hoạch bổ sung thêm một số thiết bị cho dây chuyền đường RE; công tác đào tạo và tuyển dụng công nhân kỹ thuật và kế hoạch thuê đơn vị tư vấn và xây dựng hệ thống ISO cho sản xuất đường.

2 | CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong niên vụ sản xuất hai năm gần đây, công ty đã tăng cường quản lý sản xuất, hạn chế tối đa các nguồn phát sinh nước thải, nước được tuần hoàn tái sử dụng sau khi xử lý vào sản xuất và tích cực áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng sản xuất của Công ty trong tương lai. Đối với chất thải: Bã mía, bã bùn và tro lò được sử dụng dùng làm nguyên liệu đốt và tận dụng triệt để làm nguyên liệu cho sản xuất phân vi sinh. Các chất thải sinh hoạt và rác thải thông thường công ty đã đăng ký với môi trường của Huyện để thu gom. Các chất thải rắn nguy hại khác thì được thu gom lại kho chứa, công ty đã mời đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý. Đối với tiếng ồn, độ rung chủ yếu là các động cơ ô tô vận chuyển hàng hoá, các loại động cơ trong dây chuyền sản xuất. Hiện nay công ty đã thay thế các thiết bị có tiếng ồn cao bán tự động chuyển sang tự động hoàn toàn do đó tiến ồn trong dây chuyền đã được cải thiện tốt.



Từ năm 2014, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La đã tổ chức khởi công dự án xử lý nước thải có công suất 900m³/ngày đêm. Dự án có tổng vốn đầu tư khoảng 7 tỷ đồng và được đưa vào vận hành vào cuối năm 2014.

3 | CÔNG TÁC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công tác lao động.

- ❖ Niên vụ 2017-2018, Công ty đã sắp xếp lại lao động để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc, giảm chi phí SXKD.
- ❖ Định biên lao động niên vụ 2017-2018 là 425 người, tăng 29 người so với niên vụ 2016-2017 là do niên vụ 2017-2018 Công ty có sản xuất đường RE.

Công tác tiền lương năm 2017-2018

- ❖ Ban điều hành Công ty luôn xác định thu nhập của người lao động là yếu tố quan trọng để người lao động gắn bó với Công ty, nên Công ty luôn quan tâm nâng cao năng lực sản xuất tạo việc làm cho người lao động, Năm 2017-2018, tiền lương bình quân của người lao động là 6.379.000 đồng/ng/tháng.
- ❖ Các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.



Công tác chăm lo đời sống cho người lao động.

- ❖ Công ty cổ phần Mía đường Sơn La sản xuất theo mùa vụ nhưng các ngày lễ tết như: Tết dương lịch, tết nguyên đán; ngày lễ 30/4, mừng 1/5...
- ❖ Công ty đã luôn quan tâm tặng quà cho CBCNLD trong toàn Công ty, ngoài ra nhân ngày Quốc tế Người lao động.
- ❖ Công ty thực hiện mua thẻ Bảo hiểm con người tặng cho toàn thể CBCNLD trong Công ty.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

4

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/06/2018 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321 ngày 20/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ tám ngày 28/05/2018.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh đường mía, mật ri và các sản phẩm sau đường;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh phân bón, phân đạm, thuốc trừ sâu, mía giống, xi tro.

Công ty có trụ sở tại Km 34 quốc lộ 6 Sơn La- Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|---------------------------|--------------|---------------------------|
| - Ông Đặng Việt Anh | Chủ tịch | |
| - Ông Trần Ngọc Hiếu | Phó Chủ tịch | |
| - Bà Trần Thị Nhi | Thành viên | |
| - Ông Thái Văn Hùng | Thành viên | |
| - Ông Nguyễn Trường Chinh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/9/2017 |
| - Ông Nguyễn Thắng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 11/9/2017 |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|----------------------|---------------|
| - Ông Trần Ngọc Hiếu | Tổng Giám đốc |
|----------------------|---------------|

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Việt Anh - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|----------------------|---------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Thuý | Trưởng Ban Kiểm soát | |
| - Ông Nguyễn Minh Hùng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 11/9/2017 |
| - Ông Đặng Tuấn Thắng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 15/8/2017 |
| - Ông Nguyễn Văn Tài | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/9/2017 |
| - Ông Nguyễn Văn Đãi | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/9/2017 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc bổ trong Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Sơn La, ngày 10 tháng 09 năm 2018

Thay mặt Ban Giám đốc



Tổng Giám đốc
Trần Ngọc Hiếu

Số: 248 /2018/BCKT-BDO

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2018***Kính gửi: CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La, được lập ngày 10 tháng 09 năm 2018 từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh là số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/07/2016 đến ngày 30/06/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam theo báo cáo kiểm toán số 707/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM phát hành ngày 08/09/2017 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

**Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc**
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0780-2018-038-1**Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm toán viên**
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 1906-2018-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		775.304.783.819	539.713.543.794
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	696.847.076	22.645.337.844
1. Tiền	111		696.847.076	5.945.337.844
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		326.255.251.594	299.135.192.190
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	170.520.386.499	124.518.629.081
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	45.371.136.515	89.849.869.046
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	9.400.000.000	9.400.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	112.475.717.769	87.004.974.728
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(11.511.989.189)	(11.870.766.072)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	232.485.407
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	436.569.942.078	212.323.723.758
1. Hàng tồn kho	141		437.241.372.604	212.995.154.284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(671.430.526)	(671.430.526)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.782.743.071	5.609.290.002
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	25.932.873	435.374.665
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.559.552.976	5.173.915.337
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	197.257.222	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		630.232.232.304	374.955.923.162
II. Tài sản cố định	220		564.637.488.858	359.535.682.494
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	563.324.039.093	358.544.732.729
Nguyên giá	222		767.536.708.134	532.027.558.317
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(204.212.669.041)	(173.482.825.588)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.313.449.765	990.949.765
Nguyên giá	228		1.924.631.834	1.555.631.834
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(611.182.069)	(564.682.069)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.334.076.780	12.323.405.215
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	63.334.076.780	12.323.405.215
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.260.666.666	3.096.835.453
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.260.666.666	2.958.145.453
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	138.690.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.405.537.016.123	914.669.466.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		927.346.782.806	494.269.955.860
I. Nợ ngắn hạn	310		665.864.961.213	324.244.196.252
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	220.071.254.116	36.897.674.406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	72.354.715.769	26.461.491.501
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	70.992.906	788.701.453
4. Phải trả người lao động	314		5.393.924.437	1.128.493.158
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	851.766.335	2.170.390.084
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.060.291.593	1.349.274.328
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	363.903.734.669	251.705.361.282
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.158.281.388	3.742.810.040
II. Nợ dài hạn	330		261.481.821.593	170.025.759.608
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	261.481.821.593	170.025.759.608
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		478.190.233.317	420.399.511.096
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	478.190.233.317	420.399.511.096
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.919.450.000	81.599.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.919.450.000	81.599.830.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.638.028	3.998.638.028
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.607.779.802	41.607.779.802
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.800.000.000	6.800.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		323.864.365.487	286.393.263.266
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		207.929.974.266	123.319.416.755
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		115.934.391.221	163.073.846.511
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.405.537.016.123	914.669.466.956

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hồng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Khương

Lập ngày 10 tháng 09 năm 2018

Trưởng Giám đốc



Trần Ngọc Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	600.729.880.701	537.568.786.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.002.500	257.523.810
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		600.726.878.201	537.311.263.011
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	443.203.717.672	340.729.215.758
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		157.523.160.529	196.582.047.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	17.221.969.434	7.518.552.865
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	36.296.401.521	15.808.469.054
Trong đó: chi phí lãi vay	23		35.690.326.404	15.808.469.054
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	4.227.596.559	2.601.909.208
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	19.884.731.857	21.908.676.278
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		114.336.400.026	163.781.545.578
11. Thu nhập khác	31	VI.8	4.592.398.454	3.436.525.420
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.994.407.259	3.568.927.066
13. Lợi nhuận khác	40		1.597.991.195	(132.401.646)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		115.934.391.221	163.649.143.932
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	575.297.421
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		115.934.391.221	163.073.846.511
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	13.531	20.142

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 10 tháng 09 năm 2018

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Hiếu

Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		115.934.391.221	163.649.143.932
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		39.014.719.163	29.127.025.340
- Các khoản dự phòng	03		939.648	3.400.916.004
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.429.941.124)	(9.351.596.930)
- Chi phí lãi vay	06		35.690.326.404	15.808.469.054
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		176.210.435.312	202.633.957.400
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(70.909.626.359)	(145.126.949.364)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(224.107.528.320)	(156.482.660.839)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		190.854.901.219	23.649.727.302
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.106.920.579	(2.686.246.153)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(36.131.047.472)	(15.808.469.054)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(421.363.985)	(312.594.436)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		16.282.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.600.810.652)	(7.938.569.680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.018.162.323	(102.071.804.824)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(219.981.341.715)	(239.275.171.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		98.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.221.969.434	7.518.552.865
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(202.661.190.463)	(228.756.618.498)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
1. Tiền thu từ đi vay	33		754.721.859.125	421.462.713.117
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(551.067.423.753)	(72.501.974.997)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.959.898.000)	(20.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		154.694.537.372	328.560.738.120
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(21.948.490.768)	(2.267.685.202)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.645.337.844	24.913.023.046
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	696.847.076	22.645.337.844

Lập ngày 10 tháng 09 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương



Trần Ngọc Hiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/06/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321 ngày 20/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ tám ngày 28/05/2018.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất chế biến;
- Kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh**Hoạt động kinh doanh chính:**

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh đường mía, mật ri và các sản phẩm sau đường;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh phân bón, phân đạm, thuốc trừ sâu, mía giống, xi tro.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2018 là 276 người (tại ngày 30/06/2017 là 289 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/07/2016 đến ngày 30/06/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01/07 năm trước đến ngày 30/06 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 53/2016/TT - BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 200.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Các khoản phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn: Trích lập dự phòng trên cơ sở dự kiến mức tổn thất không thu hồi được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-50 năm
Máy móc thiết bị	06-15 năm
Phương tiện vận tải	06-15 năm
Thiết bị quản lý	03-08 năm

Trong năm, Công ty thực hiện đánh giá lại và thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản thuộc nhóm "Nhà cửa, vật kiến trúc" và "Máy móc thiết bị". Thời gian khấu hao sau khi thay đổi vẫn nằm trong khung thời gian trích khấu hao quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Việc thay đổi thời gian khấu hao dẫn đến chi phí khấu hao trong năm ít hơn số tiền là 6.674.650.271 đồng so với việc khấu hao theo thời gian cũ.

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian ước tính hữu dụng.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Công ty đang được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chế biến nông sản theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính.

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính là chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được phân bổ vào kết quả sản xuất kinh doanh trong vòng 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định; công cụ, vật tư xuất dùng có giá trị lớn, được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 24 tháng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: tiền điện, nước... Chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính là khoản trích trước chi phí quản lý thu mua mía.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông góp vốn.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển.

Quỹ đầu tư phát triển: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XD CB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

Trong kỳ tài chính, công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/09/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán đường, mật ri, xăng dầu, phân bón... được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trả chậm tiền hàng.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trả chậm tiền hàng: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí đầu tư XDCB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh (TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình); chi phí cái tạo, nâng cấp TSCĐ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	126.627.062	713.444.850
Tiền gửi ngân hàng	570.220.014	5.231.892.994
Cộng	696.847.076	5.945.337.844
Các khoản tương đương tiền	-	16.700.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	696.847.076	22.645.337.844

2. Phải thu khách hàng**2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	65.690.670.411	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	897.362.794	46.735.223.699
Công ty CP Vương Quốc Việt	-	29.740.000.000
Công ty TNHH An Hà	47.101.742.265	31.475.000.000
Công ty TNHH Nam Phương Hà Tiên	47.718.429.873	13.067.166.667
Các khách hàng còn lại	9.112.181.156	3.501.238.715
Cộng	170.520.386.499	124.518.629.081

3. Trả trước cho người bán**3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại, dịch vụ, công nghệ môi trường bách khoa	7.580.485.000	-
GLOBAL CANESUGAR SERVICER PRIVATE LIMITED - INDIA	-	14.129.277.200
Công ty TNHH TMDVKT Vũ Lê	-	8.677.183.900
ULK INDUSTRIES LTD	135.696.690	13.779.363.500
Công ty CP cơ điện và XL Hùng Vương	12.253.446.921	15.542.152.950
Công ty TNHH Vĩnh Trị	6.963.752.001	6.963.752.001
Các nhà cung cấp còn lại	18.437.755.903	30.758.139.495
Cộng	45.371.136.515	89.849.869.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cho vay ngắn hạn						
Công ty Xi măng Bắc Kạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Cộng	9.400.000.000	9.400.000.000	-	9.400.000.000	9.400.000.000	-

5. Phải thu khác

5.1 Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu đầu tư vùng nguyên liệu	111.172.186.998	21.279.189	85.119.070.317	380.056.072
Phải thu tiền hàng của cửa hàng xăng dầu	891.384.082	-	1.508.538.053	-
Tạm ứng	411.066.750	-	228.072.739	-
Phải thu khác	1.079.939	-	149.293.619	-
Cộng	112.475.717.769	21.279.189	87.004.974.728	380.056.072

6. Nợ xấu

6.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu, cho vay ngắn hạn						
Công ty CP Xi măng Bắc Kạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP XD Cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Công ty CP nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Bình Anh	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Công ty TNHH TM Bình Anh	392.550.000	392.550.000	-	392.550.000	392.550.000	-
Phải thu đầu tư vùng nguyên liệu	26.171.003	21.279.189	4.891.814	385.905.253	380.056.072	5.849.181
Trần Thị Lưu	176.000.000	176.000.000	-	176.000.000	176.000.000	-
Công ty CP TM&DV Sơn Nam	40.000.000	40.000.000	-	40.000.000	40.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Ngọc Quỳnh	62.160.000	62.160.000	-	62.160.000	62.160.000	-
Công ty TNHH Thương mại -XNK Thiết bị Vật tư MKC	20.000.000	20.000.000	-	20.000.000	20.000.000	-
Cộng	11.516.881.003	11.511.989.189	4.891.814	11.876.615.253	11.870.766.072	5.849.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.315.427.048	671.430.526	20.911.906.177	671.430.526
Công cụ, dụng cụ	13.627.694	-	-	-
Thành phẩm	411.416.018.439	-	191.443.900.261	-
Hàng hóa	496.299.423	-	639.347.846	-
Cộng	437.241.372.604	671.430.526	212.995.154.284	671.430.526

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	671.430.526	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	671.430.526
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	671.430.526	671.430.526

8. Chi phí trả trước

8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
-Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	25.932.873	435.374.665
Cộng	25.932.873	435.374.665

8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
-Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	2.260.666.666	2.958.145.453
Cộng	2.260.666.666	2.958.145.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu kỳ	113.024.833.003	412.020.837.907	4.994.474.521	1.534.685.613	452.727.273	532.027.558.317
Mua sắm mới	-	219.401.246.296	339.500.000	-	-	219.740.746.296
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	32.132.188.449	-	-	-	-	32.132.188.449
Tăng khác	(1.349.157.102)	(14.736.659.811)	(277.968.015)	-	-	(16.363.784.928)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	143.807.864.350	616.685.424.392	5.056.006.506	1.534.685.613	452.727.273	767.536.708.134
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu kỳ	54.604.108.371	115.262.199.618	2.370.018.045	1.106.369.684	140.129.870	173.482.825.588
Khấu hao trong kỳ	6.227.156.006	32.144.538.542	465.287.434	66.561.856	64.675.325	38.968.219.163
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.349.157.102)	(6.611.250.593)	(277.968.015)	-	-	(8.238.375.710)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	59.482.107.275	140.795.487.567	2.557.337.464	1.172.931.540	204.805.195	204.212.669.041
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu kỳ	58.420.724.632	296.758.638.289	2.624.456.476	428.315.929	312.597.403	358.544.732.729
Số cuối kỳ	84.325.757.075	475.889.936.825	2.498.669.042	361.754.073	247.922.078	563.324.039.093

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 106.353.019.461 đồng
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay: 503.895.419.644 đồng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

20

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La- Hà Nội,
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	990.949.765	564.682.069	1.555.631.834
Mua trong năm	-	279.000.000	279.000.000
Tăng khác	90.000.000	-	90.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	1.080.949.765	843.682.069	1.924.631.834
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	564.682.069	564.682.069
Khấu hao trong năm	-	46.500.000	46.500.000
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	-	611.182.069	611.182.069
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	990.949.765	-	990.949.765
Số cuối năm	1.080.949.765	232.500.000	1.313.449.765

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 564.682.069 đồng.

11. Tài sản dở dang dài hạn

11.1 Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nâng cấp dây chuyền 2016	-	8.595.739.641
Dự án 2017	55.748.623.620	1.342.299.029
Dự án khác	7.585.453.160	2.385.366.545
Cộng	63.334.076.780	12.323.405.215

12. Phải trả người bán

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các hộ nông dân trồng mía	109.716.244.786	109.716.244.786	95.591.050	95.591.050
Công ty CP Công nghiệp Hiệp Thành	4.963.540.035	4.963.540.035	4.963.540.035	4.963.540.035
Công ty CP Công nông nghiệp Tiến Nông	20.446.521.250	20.446.521.250	4.109.502.750	4.109.502.750
Chi nhánh Công ty CP Tổng công ty Sông Gianh tại Từ Liêm	-	-	3.620.655.000	3.620.655.000
Chi nhánh Công ty CP Tổng công ty Sông Gianh tại Bắc Ninh	16.291.833.000	16.291.833.000	-	-
Công ty TNHH MTV NN Tô Hiệu	14.596.929.238	14.596.929.238	-	-
Các nhà cung cấp còn lại	54.056.185.807	54.056.185.807	24.108.385.571	24.108.385.571
Cộng	220.071.254.116	220.071.254.116	36.897.674.406	36.897.674.406

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

21

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La- Hà Nội,
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước

13.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thái Liên	11.839.760.000	6.273.446.000
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	10.028.928.397	17.500.000.000
Công ty CP Mía đường Kon Tum	50.445.600.000	-
Các khách hàng còn lại	40.427.372	2.688.045.501
Cộng	72.354.715.769	26.461.491.501

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

14.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng bán hàng nội địa	-	14.566.553.098	14.564.283.991	2.269.107
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	252.519.238	252.519.238	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	29.213.329	29.213.329	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	262.702.985	158.661.000	421.363.985	-
Thuế thu nhập cá nhân	80.490.986	2.616.992.878	2.628.760.065	68.723.799
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	445.307.482	445.000.001	890.307.483	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	200.000	-	200.000	-
Cộng	788.701.453	18.068.939.544	18.786.648.091	70.992.906

14.2 Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Các loại thuế khác	-	2.230.509.906	2.427.767.128	197.257.222
Cộng	-	2.230.509.906	2.427.767.128	197.257.222

15. Chi phí phải trả

15.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	-	440.721.068
Chi phí phải trả quản lý thu mua mía	851.766.335	1.729.669.016
Cộng	851.766.335	2.170.390.084

16. Phải trả khác

16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	902.547.605
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	403.200.269	-
Kinh phí công đoàn	227.978.312	176.266.210
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	87.918.210	151.260.632
Phải trả, phải nộp khác	341.194.802	119.199.881
Cộng	1.060.291.593	1.349.274.328

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La- Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ chính từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	251.705.361.282	251.705.361.282	586.241.359.125	521.092.985.738	316.853.734.669	316.853.734.669
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sơn La	236.105.361.282	236.105.361.282	515.041.359.125	458.292.985.738	292.853.734.669	292.853.734.669
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn La	15.600.000.000	15.600.000.000	71.200.000.000	62.800.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	77.024.438.015	29.974.438.015	47.050.000.000	47.050.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sơn La	-	-	77.024.438.015	29.974.438.015	47.050.000.000	47.050.000.000
Vay dài hạn	170.025.759.608	170.025.759.608	168.480.500.000	77.024.438.015	261.481.821.593	261.481.821.593
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sơn La	170.025.759.608	170.025.759.608	168.480.500.000	77.024.438.015	261.481.821.593	261.481.821.593
Cộng	421.731.120.890	421.731.120.890	831.746.297.140	628.091.861.768	625.385.556.262	625.385.556.262

17.1 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Khoản vay	Hạn mức cho vay	Thời hạn & lãi suất	Mục đích vay	Số dư vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn La	50 tỷ đồng	Tới đa 06 tháng cho từng lần nhận nợ; Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.	24.000.000.000	Tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, tài sản hình thành từ vốn vay của MB.
Hợp đồng cấp tín dụng số 900006.16.783.2456994.TD					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay	Hạn mức cho vay	Thời hạn & lãi suất	Mục đích vay	Số dư vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La					
Hợp đồng tín dụng số 05.29/2017-HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA ngày 25/06/2017	300 tỷ đồng bao gồm cả dư nợ theo hợp đồng tín dụng số: - 02.29/HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA; - 04.28/2016-HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA.	Tối đa không quá 12 tháng cho từng lần nhận nợ; Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.	Đầu tư vùng nguyên liệu sản xuất mía.	14.507.500.000	- Hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013; - Hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013A/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013; - Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ dự án Đầu tư nâng cấp thiết bị và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn La và dự án Đầu tư nâng cấp đường dây chuyền chế biến đường ổn định (giai đoạn 2016-2018); - Hợp đồng thế chấp động sản số 11A.29.2017/HĐTSDS ngày 18/5/2017; - Hợp đồng thế chấp động sản số 11A.29.2017/HĐTSDS ngày 18/5/2017; - Thẻ chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các HĐKT do NHCT tài trợ vốn.
Hợp đồng tín dụng số 06.29/2017-HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA ngày 25/06/2017	300 tỷ đồng bao gồm cả dư nợ theo hợp đồng tín dụng số: - 02.29/HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA; - 04.28/2016-HĐTDHM/NHCT190-CTCPMIADUONGSONLA.	Tối đa không quá 06 tháng cho từng lần nhận nợ; Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.	278.346.234.638	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La- Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ chính từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.2 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn dài hạn

Khoản vay	Hạn mức cho vay	Thời hạn và lãi suất	Mục đích vay	Số dư vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La					
Hợp đồng tín dụng số 22.17/2015-HĐTDDA/NHCT190-CTCPMDSL	96 tỷ đồng	- 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, ngày đáo hạn 31/12/2020. - Lãi suất thả nổi	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án Đầu tư nâng cấp thiết bị ổn định công suất ép 2.500 TMN và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn La	37.931.821.593	Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án.
Hợp đồng tín dụng số 03.28/2016-HĐTDDA/NHCT190-CTCPMIADUONGSL	120 tỷ đồng	- 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, ngày đáo hạn 25/11/2021. - Lãi suất thả nổi	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án Đầu tư nâng cấp suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4.000TMN (giai đoạn 2016-2018)- Giai đoạn 1 (2016-2017) đạt công suất 3.000TMN.	101.000.000.000	- Máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất theo HĐTC số 04.29/2013/HĐTC-ĐS; QSD đất số 1597834, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các tài sản gắn liền với đất theo HĐTC số 04.29A/2013/HĐTC-ĐS; - Toàn bộ tài sản hình thành trong dự án Đầu tư nâng cấp thiết bị ổn định công suất ép 2.500TMN và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn La và dự án Đầu tư nâng cấp suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4.000TMN (giai đoạn 2016-2018) - Giai đoạn 1 (2016-2017) đạt công suất 3.000TMN. - Thẻ chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các HĐKT do NHCT tài trợ vốn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay	Hạn mức cho vay	Thời hạn và lãi suất	Mục đích vay	Số dư vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng tính đúng số 11.29/2017-HĐCVDADT/NHCT190-CTCPMDSL	177 tỷ đồng	- 81 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, ngày đáo hạn 31/12/2020. - Lãi suất thả nổi	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 5.000 TMM- Giai đoạn 2 (2017-2018).	169.600.000.000	- Hợp đồng thế chấp tài sản số 04.29/2013/HĐTC-ĐS và các văn bản sửa đổi bổ sung; - Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04.29/2013/HĐTC-BDS và các văn bản sửa đổi bổ sung; - Toàn bộ tài sản hình thành trong dự án Đầu tư nâng cấp thiết bị và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn La, dự án Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định (giai đoạn 2016-2018) - Giai đoạn 1 (2016-2017) đạt công suất 3.000TMM và Giai đoạn 2 (2017-2018) đạt công suất 5.000TMM. - Thế chấp hàng hoá luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các HĐKT do NHCT tài trợ vốn. - Hợp đồng thế chấp động sản số 11A.29/2017/HĐTCĐS và các văn bản sửa đổi bổ sung. - Hợp đồng thế chấp bất động sản số 11B.29/2017/HĐTCĐS và các văn bản sửa đổi bổ sung.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

26

11/ 2 5 8 8 1 8 1 1 0 / 1 2 3 1 2 1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La- Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ chính từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	68.000.000.000	3.998.638.028	36.607.779.802	6.800.000.000	153.719.416.755	269.125.834.585
Tăng vốn trong năm trước	13.599.830.000	-	-	-	-	13.599.830.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	163.073.846.511	163.073.846.511
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(20.400.000.000)	(20.400.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	5.000.000.000	-	(10.000.000.000)	(5.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	81.599.830.000	3.998.638.028	41.607.779.802	6.800.000.000	286.393.263.266	420.399.511.096
Tăng vốn trong kỳ (*)	16.319.620.000	-	-	-	-	16.319.620.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	115.934.391.221	115.934.391.221
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	(65.279.864.000)	(65.279.864.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	4.000.000.000	-	(13.000.000.000)	(9.000.000.000)
Giảm khác (**)	-	-	-	-	(183.425.000)	(183.425.000)
Số dư cuối năm nay	97.919.450.000	3.998.638.028	45.607.779.802	6.800.000.000	323.864.365.487	478.190.233.317

(*): Trong năm, Công ty thực hiện phân phối các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 23 tháng 9 năm 2017. Theo đó, Công ty chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 60% vốn điều lệ và chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% vốn điều lệ.

(**): Tiền thuế truy thu theo Quyết định số 1137/QĐ-CT ngày 03/11/2017 của đoàn kiểm tra thuế cho kỳ kiểm tra từ 01/01/2015 đến 30/06/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Thái	26.860.600.000	22.383.793.367
Công ty TNHH Thái Liên	14.688.000.000	12.239.974.500
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	56.370.850.000	46.976.062.133
Cộng	97.919.450.000	81.599.830.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	81.599.830.000	68.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	16.319.620.000	13.599.830.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	97.919.450.000	81.599.830.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	65.279.864.000	20.400.000.000

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.791.945	8.159.983
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	9.791.945	8.159.983
- Cổ phiếu phổ thông	9.791.945	8.159.983
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.791.945	8.159.983
- Cổ phiếu phổ thông	9.791.945	8.159.983
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

19. Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm như sau:

Nội dung	Số nợ (VND)	Năm xóa nợ	Nguyên nhân xóa nợ
Xử lý các khoản nợ phải thu đầu tư vùng nguyên liệu tồn từ năm 2007 đến 2013	359.716.531	2018	Nợ không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu sản phẩm đường, mật ri	507.898.826.640	466.943.780.941
Doanh thu sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men	5.235.170.000	7.045.416.772
Doanh thu xăng dầu	20.331.888.306	17.260.669.313
Doanh thu phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống, xi tro	65.525.832.428	45.467.370.076
Doanh thu khác	1.738.163.327	851.549.719
Cộng	600.729.880.701	537.568.786.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	3.002.500	257.523.810
Cộng	3.002.500	257.523.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn sản phẩm đường, mật ri	358.011.237.326	277.908.016.610
Giá vốn sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men	3.708.071.250	5.759.348.774
Giá vốn xăng dầu	19.533.387.300	16.311.705.836
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống, xi tro	60.643.118.399	40.643.414.247
Giá vốn khác	1.307.903.397	106.730.291
Cộng	443.203.717.672	340.729.215.758
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	312.304.156	667.879.493
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	300.000.000
Lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu	4.985.200.105	3.292.539.130
Lãi bán hàng trả chậm	11.924.465.173	3.258.134.242
Cộng	17.221.969.434	7.518.552.865
5. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	35.690.326.404	15.808.469.054
Lãi chậm trả tiền hàng	177.377.409	-
Lãi ứng trước tiền hàng	428.697.708	-
Cộng	36.296.401.521	15.808.469.054
6. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	676.351.768	409.110.480
Chi phí vật liệu, bao bì	33.891.950	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.299.296	75.974.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.059.507.935	1.784.051.992
Chi phí bằng tiền khác	356.545.610	332.772.264
Cộng	4.227.596.559	2.601.909.208
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	12.290.818.112	10.596.276.489
Chi phí vật liệu quản lý	335.070.724	450.014.021
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.713.092	199.283.273
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.309.162.869	1.794.740.726
Thuế, phí và lệ phí	854.496.965	849.251.831
Chi phí dự phòng	939.648	1.229.485.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.429.978.078	2.475.565.270
Chi phí bằng tiền khác	1.576.552.369	4.314.059.190
Cộng	19.884.731.857	21.908.676.278
8. Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, vật tư tồn kho	4.576.581.297	3.400.058.182
Các khoản khác	15.817.157	36.467.238
Cộng	4.592.398.454	3.436.525.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	2.792.028.310	3.568.927.066
Các khoản bị phạt	166.793.772	-
Các khoản khác	35.585.177	-
Cộng	2.994.407.259	3.568.927.066

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	509.404.242.193	395.116.850.080
Chi phí nhân công	35.380.647.076	25.113.414.384
Chi phí công cụ, dụng cụ	87.713.092	219.083.273
Chi phí khấu hao TSCĐ	39.014.719.163	29.127.025.340
Chi phí dự phòng	939.648	1.229.485.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.045.150.680	14.623.055.351
Chi phí khác bằng tiền	13.708.021.656	4.646.831.454
Cộng	607.641.433.508	470.075.745.360

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	115.934.391.221	163.073.846.511
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	115.934.391.221	163.073.846.511
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ (*)	-	9.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (**)	8.567.974	7.649.524
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.531	20.142

(*) Công ty chưa xác định số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm nay; Số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước đã được điều chỉnh theo số liệu thực trích.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu kỳ	8.159.983	6.800.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong kỳ	407.991	849.524
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.567.974	7.649.524

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay
Vay ngân hàng trả thẳng cho nhà cung cấp, vay trả lương cho CBCNV	295.640.316.296
Cộng	295.640.316.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	1.167.958.333	1.181.537.296

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Đường Kon Tum	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần đầu tư Vương Quốc Việt	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	Bà Đặng Thu Hằng - Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
Công ty TNHH Thái Liên	Cổ đông góp vốn

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Bán hàng	12.376.304.765	66.070.704.480
Lãi trả chậm tiền hàng	1.816.361.443	240.224.166
Công ty cổ phần Đường Kon Tum		
Bán hàng	83.869.904.746	-
Lãi trả chậm tiền hàng	233.332.602	-
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa		
Bán hàng	2.324.426.364	-
Thuê nhân công	71.916.240	-
Công ty TNHH Thái Liên		
Bán hàng	72.009.018.951	64.273.034.000
Lãi trả chậm tiền hàng	61.830.000	-
Lãi ứng trước tiền hàng	373.629.653	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cổ phần đầu tư Vương Quốc Việt

Bán hàng	-	129.967.938.104
Lãi trả chậm tiền hàng	1.112.138.219	815.633.790
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên		
Bán hàng	55.771.617.141	37.142.857.132
Lãi trả chậm tiền hàng	2.065.587.171	240.600.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
--	-------------	------------

Nợ phải thu**Công ty TNHH Kim Hà Việt**

Phải thu khách hàng	897.362.794	46.735.223.699
---------------------	-------------	----------------

Công ty cổ phần Đường Kon Tum

Phải thu khách hàng	1.628.000.000	-
---------------------	---------------	---

Công ty cổ phần đầu tư Vương Quốc Việt

Phải thu khách hàng	-	29.740.000.000
---------------------	---	----------------

Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hoà

Phải thu khách hàng	3.581.869.000	1.025.000.000
---------------------	---------------	---------------

Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên

Phải thu khách hàng	47.718.429.873	13.067.166.667
---------------------	----------------	----------------

Cộng	53.825.661.667	90.567.390.366
-------------	-----------------------	-----------------------

	Số cuối năm	Số đầu năm
--	-------------	------------

Nợ phải trả**Công ty TNHH Thái Liên**

Người mua trả tiền trước	11.839.760.000	6.273.446.000
--------------------------	----------------	---------------

Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hoà

Phải trả khác	130.910.536	37.337.341
---------------	-------------	------------

Công ty cổ phần Đường Kon Tum

Người mua trả tiền trước	50.445.600.000	-
--------------------------	----------------	---

Cộng	62.416.270.536	6.310.783.341
-------------	-----------------------	----------------------

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/07/2016 đến ngày 30/06/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Trong đó, chỉ tiêu: "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" đã được tính toán và trình bày lại, chi tiết như sau:

	Mã số	Số liệu BCTC đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo KQ HĐKD				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21.318	(1.176)	20.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giải thích lý do:

Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán chưa trừ số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi vào lợi nhuận sau thuế khi xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu, lý do tại thời điểm lập báo cáo, Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa xác định số quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trích. Số liệu sau điều chỉnh là số liệu đã được tính lại căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi đã thực trích trong năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/09/2017.

Lập ngày 10 tháng 09 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu